

ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH SỚ

QUYỂN 53

(Từ đây trở xuống đi vào quyển thứ 57 trong kinh)

Địa thứ ba: Từ “Thập chủng tập khí...” trở xuống có năm môn, trình bày về Hạnh trong Địa thứ ba, phân hai: Hai môn trước trình bày về Hạnh có thể khởi lên chán ngán, ba môn sau tức là Hạnh đã khởi lên chán ngán.

Trong hai môn trước, có hai: Môn 1- Trình bày về huân tập thành sức mạnh (Khí); môn 2- Trình bày về tăng mạnh thân nhiếp chọn lấy.

Môn 1- Bởi vì Địa này chán ngán mà điều phục phiền não, huân tập đối với các Hạnh tích tập thành tựu sức mạnh tách ra, mới có thể hoàn toàn đoạn trừ phiền não, cho nên gọi là tập khí.

Trong mười câu: 1- Sức mạnh vốn có của Hạnh. 2- Sức mạnh của Hạnh thành tựu. 3- Hóa độ phía dưới. 4- Thấy rõ phía trên. 5- Thọ sinh. 6- Đại Hạnh. 7- Mười Nguyên. 8- Mười Độ. 9- Lý trí. 10- Lượng trí.

Môn 2- Mười loại chọn lấy, trình bày về tăng thêm thân nhiếp chọn lấy. Bản kinh thời Tấn gọi là Xí nhiên (bốc lên hừng hực), do thói quen đã lâu trước đây mà yêu thích được tăng trưởng.

Trong ba môn sau-Từ “Thập chủng tu...” trở xuống có ba môn, trình bày về Hạnh đã khởi lên chán ngán, tức là phân làm ba:

Môn 1- Chính thức hiển bày về Hạnh tu tập, tám câu trước là nhân của tu tập, hai câu sau là quả của tu tập.

Môn 2- Thành tựu về pháp Phật, trình bày về duyên thù thắng thành tựu về tu tập, dựa vào mười loại này mà có thể thành tựu.

Môn 3- Mười loại lui sụt mất đi, trình bày về lia xa lỗi lầm của tu hành. Riêng biệt nêu ra mười lỗi lầm, tổng quát khiến cho xa lia, văn đều có thể biết.

Địa thứ tư: Từ “Ly sinh đạo...” trở xuống có năm môn, trình bày về Hạnh trong Địa thứ tư, phân ba: Môn 1- Trình bày về nhân tăng

trưởng tu hành đối trị làm cho thanh tịnh; môn 2- Trình bày về pháp thanh tịnh ấy; ba môn sau trình bày về tăng trưởng tu hành đối trị.

Môn 1- Ba Địa trước dựa vào giống với thế gian, có phiền não như Kiến..., giống như thức ăn chưa chín ở trong bụng. Địa thứ tư dựa vào giống với xuất thế gian, đối trị thanh tịnh có thể lìa xa thức ăn chưa chín ấy, nghĩa là bởi vì lìa xa hành hữu vi cho nên đạt được Vô sinh, hiển bày về hành thuận thực mà lìa xa chưa chín khó tiêu, mở rộng như luận Bà Sa. Nay là nhân của pháp đối trị thanh tịnh ấy, cho nên gọi là Đạo. Địa Kinh có mười pháp Minh Môn, pháp thứ nhất là quán sát chúng sinh. Nay chỉ mở rộng một câu này, còn lại lược bớt không đầy đủ. Kết luận nói rằng: Không lẫn tạp với Nhị thừa, bởi vì đối với mười câu cùng hiện hành mà tu tập, đã không giống như Kiến đạo-lìa xa chúng sinh của Nhị thừa rồi.

Môn 2- Pháp quyết định, là trình bày về pháp thanh tịnh. Trước đây trình bày về pháp có thể lìa xa, nay hiển bày về pháp đã đạt được, bởi vì đạt được pháp quyết định xuất thế gian. Vì vậy văn ấy nói: Đạt được pháp bên trong ấy, sinh trong nhà Như Lai.

Trong mười câu: Năm câu trước là Tự phần, năm câu sau là Thắng tiến.

Ba môn sau- Từ “Xuất sinh Phật pháp...” trở xuống có ba môn, trình bày về tăng trưởng tu hành đối trị, trong đó phân hai: Trước là hai môn trình bày về tăng trưởng tu hành, sau là một môn trình bày về đối trị tu hành.

Hai môn trước cũng có hai: Môn một- Chính thức trình bày về tăng trưởng; môn hai-Hiển bày thiết lập tên gọi thù thắng.

Môn một- Từ duyên sinh ra tức là nghĩa của tăng trưởng, cũng giống như hơi thở ra tăng trưởng thêm nhiều.

Trong mười câu: Hai câu đầu là thuận theo người-tin vào pháp, hai câu tiếp là Nguyên Trí không hư rỗng, hai câu tiếp là thời gian-nơi chốn rộng lớn lâu dài, hai câu tiếp là không gián đoạn rộng khắp mọi nơi, hai câu sau là Hạnh thù thắng thâm nhiếp chúng sinh.

Môn hai- Danh hiệu Trượng Phu, tức là thiết lập tên gọi thù thắng, do đức hạnh tăng trưởng bên trong mà tên gọi tốt đẹp thiết lập bên ngoài.

Trong mười câu: Bốn câu trước là thuận theo cảnh mà thiết lập tên gọi. Hai câu năm-sáu là dựa theo Thế ấy mà nhận lấy tên gọi. Sáu câu trên đều là Tự lợi. Hai câu bảy-tám là Lợi tha. Câu chín là bao gồm hiển bày về Tự lợi-Lợi tha đầy đủ thù thắng. Trên đây đều là tên gọi

dựa vào Tự phần. Câu mười là quả của Thắng tiến, phù hợp với trên đều là tùy theo đức mà mượn làm tên gọi.

Luận Du Già quyển thứ 46 trình bày: “Bồ-tát tùy theo đức mượn làm tên gọi có mười sáu loại, loại thứ nhất gọi là Bồ-đề Tát-đỏa, loại thứ mười sáu gọi là Pháp Sư.” Luận Hiển Dương quyển thứ 8, luận Trang Nghiêm quyển thứ 12, đều giống như ở đây nói. Lại trong kinh Thương Chủ Thiên Tử có năm nghĩa về thiết lập tên gọi, sợ rằng phức tạp cho nên không kết hợp.

Một môn sau có mười loại Đạo, trình bày về đối trị tu hành. Địa Kinh dựa vào phần vị mở rộng trình bày về ba mươi bảy phẩm. Nay dựa theo phần vị Thật, số tăng thêm hiển bày về mười đều làm đối trị, cùng là Chánh đạo.

Trong mười loại: Hai loại đầu-một loại sau thì tên gọi và nghĩa đều không chung, Đạo thứ ba thì tên gọi và nghĩa đều chung, Đạo thứ tư đến Đạo thứ chín thì tên gọi chung với Tiểu thừa, nghĩa chỉ riêng Thật giáo.

Ba Đạo trước có thể biết. Nói nghĩa chỉ riêng Thật giáo là bởi vì: Đạo thứ tư là Hạnh, nói về khéo léo hồi hướng mà không có dừng nghỉ.

Đạo thứ năm là Căn, thì Định căn nhận biết về tiến vào-rời ra của Tam-muội.

Đạo thứ sáu là Thông, thì Thiên nhãn thấy chết nơi này sinh nơi khác.

Đạo thứ bảy là sáu Niệm trở thành bảy, bởi vì Đại Bi mà thêm vào Niệm chúng sinh, cũng là mở rộng về một Niệm giác trong bảy Giác, còn lại dựa theo đây nhận biết.

Đạo thứ tám thì Chánh tư duy thuận theo Nhất thiết trí.

Đạo thứ chín thì Thứ đệ Định đều là Tịch-Dụng cùng hiện hành: Thiền thứ nhất lìa xa nóng giận làm hại (Nhuế-Hại) của cõi Dục mà ngược lại giáo hóa chúng sinh, cũng dùng ngôn thuyết.. của cõi Dục, cho nên nói là tất cả Ngũ nghiệp. Thiền thứ hai tuy không có tìm kiếm suy đoán thô tế (Giác-Quán) mà không làm hỏng về Giác thanh tịnh, dùng làm nhân của thuyết giảng. Thiền thứ ba lìa xa vui mừng (Hỷ) mà phát sinh vui mừng về pháp. Thiền thứ tư lìa xa niềm vui (Lạc) mà cảm nhận niềm vui của Đạo giải thoát.

Từ “Thử bất...” trở xuống là trình bày về bốn Định Vô sắc, chỉ là tổng quát về tướng để hiển bày thù thắng.

Từ “Tuy trú diệt...” trở xuống tức là Diệt tận Định, Định này tuy

diệt hết các pháp của tâm-tâm sở không luôn luôn hiện hành, và diệt một phần nhiệm ô luôn luôn hiện hành, mà bởi vì chán ngán tai họa của Tướng thọ làm đầu tiên, cho nên gọi là Định Diệt tướng thọ. Bởi vì ở địa Phi tướng hãy còn có Tướng vi tế, vốn là Xả thọ.

Nay Thật giáo trình bày về Diệt ngay nơi tánh của các Thọ, mà không ngừng thực hành hạnh Bồ-tát, vì vậy Địa thứ bảy nói rằng có thể tiến vào trong từng niệm, cũng có thể rời ra trong từng niệm... Còn lại như trong Địa thứ ba và Địa thứ bảy phân rõ.

Trong mười Lực: Sáu là Chủng chủng giới trí lực, bảy là Nhất thiết chí xứ đạo trí lực, tám là Thiên nhân vô ngại trí lực, chín là Túc mạng vô lậu trí lực.

Nay ba đời đều nhận biết rõ ràng, huống hồ những sự việc trong đời quá khứ hay sao? Còn lại như trong Hội thứ nhất phân rõ.

Địa thứ năm: Từ “Vô lượng đạo...” trở xuống có hai môn, trình bày về Hạnh trong Địa thứ năm, phân hai: Môn 1- Trình bày Hạnh trong phần đối trị Mạn về hơn hẳn; môn 2- Trình bày về Hạnh trong hai phần sau.

Môn 1- Phân hai tiết:

Tiết trước là tổng quát nêu lên bốn môn, bởi vì bốn môn này cùng hiển bày về nghĩa của Đạo, nghĩa đều vô lượng, tương tự ví dụ thuận theo nhau, cho nên tổng quát nêu lên. Dựa theo nghĩa cần phải phân ra, mà hai môn sau thuộc về môn sau.

Tiết sau từ “Phật tử...” trở xuống là riêng biệt trình bày về môn 1, nghĩa là mười tâm bình đẳng và Tùy-Như-Đạo-Hành, đều là những con đường thường xuyên qua lại thuộc về Chánh đạo của Bồ-tát. Bởi vì cảnh trước mắt đều là Như, tất cả đều thuộc về Đạo, huống hồ mười loại như hư không..., mỗi một loại là Vô lượng, thì Đạo lẽ nào có giới hạn hay sao?

Trong mười loại: Bốn loại trước đều là một Vô lượng, bốn loại sau đều là cảnh giới Vô lượng của Phật. Ngôn ngữ cũng là chúng sinh, cũng là cảnh giới điều phục, Vô lượng kiếp số tức là theo thời gian luận về Vô lượng, bảy loại còn lại là theo không gian luận về Vô lượng. Hư không cũng là không gian, cũng là thời gian; Pháp giới không phải là không gian, không phải là thời gian. Hư không-pháp giới dựa theo không có phạm vi hạn lượng, tám loại còn lại rộng nhiều Vô lượng bao gồm không có phạm vi hạn lượng.

Môn 2- Vô lượng Trợ đạo, tức là Hạnh thù thắng của Đạo không trú vào, và Hạnh trong quả thù thắng ấy. Bởi vì Trí hợp với Như, đó gọi

là Chánh đạo; vạn hạnh là duyên giúp đỡ cho Đạo, đều là Trợ đạo; hai Hạnh này hợp lại gọi là Đạo không trú vào. Nay bởi vì tu tập Viên dung, không có gì không hợp với Như, tất cả đều là Chánh đạo; đều giúp đỡ lẫn nhau, tất cả đều là Trợ đạo. Vì vậy nêu ra mười loại như hư không..., không khác với chương trước đây. Nhưng Chánh đạo không tùy theo Sự mà chuyển, cùng gọi là Vô lượng; Trợ đạo tùy theo sự, cho nên tùy theo những Sự giống nhau, gọi là vô biên vô tận...

Địa thứ sáu: Từ “Vô lượng tu đạo...” trở xuống có một môn, trình bày về Hạnh trong Địa thứ sáu. Bát-nhã hiện rõ trước mắt là tu tập chân thật. Không có đến-đi tức là mười loại bình đẳng.

Trong mười loại: Bốn loại trước tức là Hạnh trong phần đối trị Mạn về hơn hẳn, thấu nhiếp mười loại bình đẳng; sáu loại sau tức là Hạnh trong quả thù thắng ấy, là Hạnh thù thắng của Đạo không trú vào.

Mười loại quán sát về duyên ở phần ấy đã mở rộng, ở đây lược qua không trình bày.

Trong bốn loại trước: Ba loại đầu dựa theo Pháp, một loại sau dựa theo Dụ.

Trong Pháp: Ở phần ấy thuận theo nghĩa riêng biệt tách ra làm thành tám loại trước, nay tổng quát trình bày: 1- Tâm không khởi lên. 2- Xứng với tánh vốn có. 3- Loại bỏ tướng của tu, cũng có thể phối hợp với ba Tánh-ba Vô tánh, như Lý suy nghĩ về điều này! 4- Nêu ra bảy Dụ bao gồm hiển bày về Vô trước.

Trong sáu loại sau: 5- Tuy chứng đạt ba Không, mà tích tập phước đức. 6- Không đắm theo giáo pháp không thể thuyết giảng, bởi vì Lý tròn vẹn mà ngôn từ thiên lệch, cho nên ngôn từ không thể nào giải thích; không có ngôn thuyết là bởi vì tánh không có ngôn từ, lìa xa ngôn thuyết là bởi vì quên hết ngôn từ mới hiểu được. 7- Không làm hỏng Pháp giới thuộc Sự. 8- Không làm hỏng Lý của Chân Như. 9- Tổng quát trình bày về Trí của Quyền-Thật vốn là Lực vô tận. Năm loại trên đều là tu tập thuộc Tự phần. 10- Tức là tu tập thuộc Thắng tiến.

Địa thứ bảy: Từ “Trang nghiêm đạo...” trở xuống có ba môn, trình bày về Hạnh trong Địa thứ bảy, phân ba: Môn 1- Trình bày về Quyền-Thật cùng hiện hành; môn 2- Trình bày về niệm niệm tiến lên hưởng về; môn 3- Chọn lấy truyền trao tự tại.

Môn 1- Tức là Hạnh vui với Vô tác trong Địa ấy đối trị với mười loại Trí phương tiện, và Hạnh trong Hạnh thù thắng phát khởi của quả cùng hiện hành. Bởi vì Quyền-Thật trang hoàng qua lại, cho nên gọi là

trang nghiêm.

Trong nêu ra: Năm loại trước là Tự hành không có tạp nhiễm. Bốn loại tiếp là tùy theo hiện tại thân nghiệp giáo hóa: 1- Không có tạp nhiễm mà giáo hóa; 2- Ở trong Chánh tiến vào Tà; 3- Trì và phạm dựa theo Quyền-Thật; 4- Người và pháp dựa theo Quyền-Thật. Loại thứ 10 là tổng quát hiển bày về nhân quả dựa theo Quyền-Thật, trong đó có ba tiết:

Tiết một- Nhân tròn vẹn nêu ra thiếu sót, thị hiện thọ sinh vốn là nhân chưa tròn vẹn.

Tiết hai- Từ “Dữ tam thế...” trở xuống là quả cùng chung cảnh giới mà không rời bỏ nhân. Nhân có mười câu, Hạnh bao gồm Tự lợi-Lợi tha: Pháp tức là giáo pháp; Nghiệp gọi là Lợi tha; Đạo gọi là Chánh trí; Oai nghi là chế định thuận theo; Chọn lấy tức là nguyện cầu; khéo léo gọi là Quyền-Thật. Trên đây đều là những sự việc đã thực hiện, tổng quát nói về Thể của nhân. Sinh khởi thành tựu về Dụng là dựa vào nhân thành tựu Đại Dụng, Lực an trú duy trì là Dụng luôn luôn không tận cùng.

Tiết ba- Từ “Hà dĩ...” trở xuống là đưa ra giải thích, có thể biết.

Môn 2- Mười loại chân (Túc) là trình bày về Hạnh trong niệm niệm tiến lên hưởng về, tức là vô lượng phương pháp tu tập thực hành trong phần đối trị chướng ngại của Địa ấy, và những sai biệt thuộc về Bồ-đề phần trong phần cùng hiện hành.

Trong mười loại: Hai loại đầu dựa theo Hạnh: 1-Giới; 2-Tinh tiến. Hai loại tiếp dựa theo Thông: 1- Tổng quát; 2- Riêng biệt. Hai loại tiếp dựa theo Tâm: 1- Nguyện; 2- Thệ. Hai loại tiếp dựa theo Pháp: 1- Thuận theo; 2- Duy trì. Hai loại sau dựa theo Đức: 1- Thuyết giảng; 2- Điều phục.

Môn 3- Mười loại tay (Thủ) là trình bày về chọn lấy truyền trao tự tại, tức là nghĩa về Đại có thể thực hiện trong phần cùng hiện hành.

Trong mười loại: Một loại đầu dựa theo chọn lấy (Thủ), nghĩa là trong từng niệm niệm tu tập tất cả pháp Phật mà hưởng về Trí Phật. Chín loại còn lại dựa theo truyền trao (Thụ), trong đó: Năm loại trước trình bày về bốn Nghiệp: 1- Bố thí; 2- Ái ngữ; 3 và 4 đều là Lợi hành; 5- Đồng sự, bởi vì cùng một tay thực hiện mà vượt ra. Bốn loại sau tức là bốn ngôi nhà: 1- Khổ được thanh tịnh; 2- Nêu ra các Đố; 3- Lực của Bát-nhã; 4- Rời bỏ phiền não.

Địa thứ tám: Từ “Thập phúc...” trở xuống có ba môn, trình bày về Hạnh trong Địa thứ tám, bởi vì bên trong chứng đạt Vô sinh, cho nên

đều dựa theo sự việc bên trong để trình bày về đức bên trong viên mãn, phân làm ba:

Môn 1- Trình bày về đức hàm chứa tiếp nhận thanh tịnh, tức là thanh tịnh bình đẳng không hề trú vào Đạo trong phần tích tập của Địa ấy, và đạt được Vô sinh trong phần Nhân thanh tịnh; cũng là lìa xa tất cả tham trước... trong phần đạt được Hạnh thù thắng, bởi vì bụng của người thế gian chứa đựng nhiều loại dơ bẩn xấu xa.

Nay trong mười loại này: Sáu loại trước-một loại sau, trình bày về lìa xa tất cả các pháp ác; ba loại thứ bảy-thứ tám-thứ chín trình bày về tích lũy tất cả các pháp thiện. Nếu có thể như vậy thì phạm phu mà là bụng của Phật.

Môn 2- Có mười Tạng, trước đây tổng quát nêu ra bụng ấy, nay riêng biệt trình bày về năm Tạng, do chư Phật khuyến khích phát khởi mà đạt được Hạnh thù thắng, cho nên một niệm sinh ra hàm chứa thâm nhiếp thành thực vô lượng công đức.

Trong mười loại: Ba loại đầu là sinh ra Tam Bảo. Ba loại tiếp là thành thực ba Tụ, bởi vì Tà định tụ cũng có Phật tánh làm nhân cho vị lai, cho nên phát khởi tâm Bi làm duyên. Kinh Niết Bàn nói: “Hạng người Nhất-xiển-đề tuy là đoạn mất thiện căn, mà nhờ vào lực của Phật tánh, cho nên thiện căn của vị lai trở lại được sinh trưởng.” Tức là nghĩa ấy. Bốn loại sau là thâm nhiếp trao cho quả Phật, cuối cùng tức là Nhất thiết trí.

Môn 3- Có mười Tâm, tức là một trong năm Tạng, là Tạng thù thắng nhất, bởi vì đứng đầu của năm Tạng, tức là Địa này có thể thành tựu các pháp thiện mà tâm tùy ý vận dụng tự nhiên (Vô công dụng). Trong Địa thứ nhất trước đây trình bày về tâm, tiếng Phạn nói là Chất-đa, tức là tâm suy nghĩ nhận biết, bởi vì đối với thân-khẩu. Nay ở đây, tiếng Phạn nói là Hiệt-lợi Đà-da, Trung Hoa nói là Nhục đoàn tâm, bởi vì đối với những Tạng còn lại.

Trong mười loại: Sáu loại trước là Tự lợi, trong đó: Hai loại đầu là thâm nhiếp điều thiện: 1- Chịu khó; 2- Thúc đẩy. Hai loại tiếp là phá bỏ điều ác: 1- Phá bỏ duyên; 2- Phá bỏ nhân. Hai loại tiếp là thành tựu về Hạnh: 1- Kiên cố; 2- Thanh tịnh. Hai loại tiếp là tâm thâm nhiếp chúng sinh: 1- Trí khiến cho tỏ ngộ; 2- Từ để cứu giúp. Đại Phạm Trú tức là bốn tâm Vô lượng. Hai loại sau là thành tựu về Đức: 1- Sâu xa; 2- Vững chắc.

Địa thứ chín: Từ “Bị giáp...” trở xuống có hai môn, trình bày về Hạnh trong Địa thứ chín, Pháp Sư tiến vào có bởi vì đầy đủ trang ng-

hiêm bên ngoài.

Môn 1- Trình bày về mười tâm tiến vào Địa, như khoác giáp trụ phòng ngừa mà bên trong mong mỗi hưởng đến tiến vào. Mười câu có thể biết.

Môn 2- Mười loại binh khí, binh khí là phá trừ bên ngoài, bởi vì tâm trú vào Địa tận cùng, cho nên tất cả mười loại rừng rậm đều phá trừ.

Trong mười loại: Năm loại trước là thuận theo binh khí phá trừ chướng ngại; ba loại tiếp là ngược với binh khí phá trừ chướng ngại, như làm cho giặc phá trừ giặc; một loại tiếp là không phải thuận theo-không phải ngược với binh khí, như dùng mưu hay chứ không dùng binh khí, mà tất cả đều phá trừ; một loại sau là tất cả thành tựu thiết lập đức của binh khí.

Địa thứ mười: Từ “Thập chủng thủ...” trở xuống có mười ba môn, trình bày về Hạnh trong Địa thứ mười, bởi vì tròn vẹn đức của Thập Địa, cho nên dựa vào nghiệp dụng của sáu căn-bốn oai nghi để trình bày, tạm thời phân làm ba tiết: Một-Có một môn tổng quát nêu lên đức đứng đầu; hai-Có sáu môn trình bày về đức thù thắng của sáu căn; ba-Có sáu môn trình bày về bốn oai nghi trở thành khuôn phép.

Tiết một- Có một môn tổng quát nêu lên: Bởi vì đứng đầu tiếp nhận chức vị mà sinh ra các Thánh.

Trong mười loại: Ba loại trước là Quả đứng đầu; ba loại tiếp là nêu lên theo Nhân, giải thích theo Quả; bốn loại sau là thắng thán trình bày về Hạnh đứng đầu.

Tiết hai- Từ “Thập nhân...” trở xuống có sáu môn trình bày về sáu căn, tức là phân làm sáu:

Môn 1- Trình bày về mười Mắt (Nhân), tức là nhìn thấy-nhận biết đúng như thật về tất cả các pháp trong phần Đại Tận.

Trong mười loại: Năm loại trước thì tên gọi giống với các Giáo, mà Thể-Dụng không giống với các Tông.

Nhục nhãn nhìn thấy chướng ngại của nội sắc, vì vậy Trí Luận quyển thứ 37 nói: “Nhục nhãn nhìn thấy gần chứ không nhìn thấy xa, nhìn thấy phía trước chứ không nhìn thấy phía sau...; Thiên nhãn mới nhìn thấy xa..., nhưng có phạm vi giới hạn.” Nay Nhục nhãn nhìn thấy tất cả các sắc, cho nên đã vượt qua hai Nhãn. Trí Luận quyển thứ 44 tự nêu ra nói rằng, kinh Bất Tư Nghị thuận theo nhìn thấy xa, trong này không nói đến.

Nhưng Thiên nhãn là nhờ vào hòa hợp không nhìn thấy Thật

tướng. Nay trình bày về nhìn thấy tâm thì tựa như giống với Luận ấy, nhưng tâm bao gồm tánh-tướng thì cũng không giống nhau.

Tuệ nhãn trong này tựa như Pháp nhãn ở Luận ấy.

Pháp nhãn trong này tựa như Tuệ nhãn ở Luận ấy.

Sở dĩ thay đổi lẫn nhau, là bởi vì Tuệ nhãn ấy không có thể nhìn thấy tận diệt giống nhau và khác nhau của chúng sinh, không có thể hóa độ chúng sinh; nay hiển bày Thật vượt qua Quyền, ngược lại điều này để trình bày về có năng lực. Pháp nhãn trong Luận ấy tuy nhận biết đối với pháp, mà không có thể nhận biết tất cả về Đạo phương tiện của chúng sinh, nay ngược lại điều này cho nên trình bày về nhận biết tất cả, ý muốn khác với Quyền mà thôi.

Phật nhãn trong Luận ấy vì tế không có gì không nhận biết, nay nêu ra thù thắng để so sánh với yếu kém, lại bởi vì mười Lực không có gì không đầy đủ.

Trong năm loại sau: Trí nhãn nhìn thấy Sự, tức là Pháp nhãn tách ra. Quang minh nhãn nối thông với ánh sáng của Thân-Trí, nghĩa bao gồm Pháp nhãn-Tuệ nhãn. Xuất sinh tử nhãn, nhưng không thể nhìn thấy Niết-bàn, bởi vì bất dứt nhìn thấy mới nhìn thấy, vốn là nhìn thấy hoàn toàn vắng lặng (Viên tịch). Vô ngại nhãn, là tổng quát về cảnh nhìn thấy của các mắt đều không có gì chướng ngại, đây tức là một mắt đầy đủ nhiều mắt bởi vì không làm hỏng tướng.

Cần phải nêu ra mười Mắt, bởi vì mắt Nhất thiết trí tức là Phổ Nhãn, không những nhìn thấy pháp giới trùng trùng, mà cũng chính là pháp giới ngay nơi mắt làm Phổ Môn, cho nên biết rằng mười Mắt đều dùng Pháp giới Vô ngại để làm Thể của mình.

Nếu phân rõ theo thứ tự, thì đầu tiên dùng Nhục nhãn để nhìn thấy Khổ của sinh tử, tiếp là dùng Thiên nhãn để nhận biết rõ ràng về Tâm ấy, tiếp là nhận biết riêng biệt về Căn-Cảnh, tiếp là dẫn dắt tiến vào đúng như thật, tiếp là khiến cho đạt được Lực của Phật, tiếp là tìm theo ánh sáng mà nhìn thấy, tiếp là cùng quay về Tịch diệt, sau là sánh bằng Pháp giới, còn lại như chương riêng biệt.

Môn 2- Có mười Tai (Nhĩ), nhưng sáu căn như mắt... do đạt được Giải thoát-Thần thông vô thượng, mà thấy-nghe-ngửi-nếm-xúc chạm đều tự tại, tổng quát dựa vào Hạnh mà phân rõ. Môn này cũng chính là trong phần giải thích tên gọi, bởi vì nghe và duy trì làn mưa Đại pháp của Như Lai.

Trong mười loại: Hai loại đầu là lìa xa thuận, lìa xa nghịch. Hai loại tiếp là rời bỏ Tiểu thừa, vui mừng Đại thừa. Hai loại tiếp là thương

xót nổi khổ, chán bỏ niềm vui. Hai loại tiếp là nhân tròn vẹn, quả đầy đủ. Hai loại sau là hiểu rõ Tục giống với Chân, Bi-Trí cùng vận dụng.

Môn 3- Có mười Mũi (Tỷ), bởi vì ngửi mùi hương của Hạnh, trong đó:

Bốn loại đầu là ngửi thấy Thể của hương, luận Câu Xá có bốn loại, toàn bộ gọi là Hương: “1- Hương tốt lành là Trầm thủy, Chiên đàn...; 2- Hương xấu ác là hành hẹ ném tỏi...; 3- Hương giống nhau là dựa vào thân tăng thêm đối với hai loại trước; 4- Hương không giống nhau là dựa vào thân giảm bớt đối với hai loại trước, cũng không là xa tốt lành và xấu ác.” Nay trong này đều ngửi thấy, ngửi thấy hai loại trên, lại không có Thể riêng biệt, không phải mùi thơm-không phải mùi hôi, đối với trước làm thành ba loại, nghĩa là như củi-than..

Ba loại tiếp là ngửi thấy mùi hương biểu thị cho Dụng. Trong luận Du Già... nói: “Hai cõi trên đã không có Tỷ thức-Thiệt thức, cũng không có Hương trần-Vị trần.” Nói không có Hương trần thô thiển, ở đây ngửi thấy Hương trần của cõi Hữu Đảnh, là trình bày về ngửi thấy Hương trần vi tế ở cõi ấy, do lực của Bồ-tát. Lại nói Hữu Đảnh, nơi khác phần nhiều trình bày là Sắc Cứu Cánh. Dựa theo trong bản kinh thời Tấn, ngửi thấy Hương trần của cõi Phi tướng, thì nói Hữu Đảnh cũng là đỉnh cao của ba cõi, đã có Sắc của tất cả các quả, thì cũng có Hương của tất cả các quả.

Ba loại sau là ngửi thấy mùi hương của người và pháp xuất thế gian.

Môn 4- Có mười Lưỡi (Thiệt) mà thuyết giảng về ý vị của pháp vị. Ba môn dưới là thành tựu sáu căn, không phải là hiển bày về ba nghiệp, bởi vì ba nghiệp ở trước đã có.

Trong mười loại: Năm loại trước dựa theo Biện tài để hiển bày về đức; năm loại sau dựa theo Dụng. Loại thứ 10 là hàng phục bốn ma, mà tức là Thiên ma, Sinh tức là Uẩn ma.

Môn 5- Có mười Thân, bởi vì tùy theo Hạnh mà thành tựu Thân.

Môn 6- Có mười Ý, một loại đầu là tổng quát, chín loại còn lại là riêng biệt, vẫn đều có thể biết.

Tiết ba- Có sáu môn trình bày về Hạnh đi đứng thuộc bốn oai nghi.

Môn 1- Đi lại (Hành), là bởi vì pháp đi lại thường xuyên chuyển động, trong đó: Khiến cho xoay chuyển trở về, bởi vì xoay chuyển Định hữu lậu mà trở về vô lậu. Không đoạn sinh tử, là bởi vì nếu đoạn thì không phải là Niết-bàn chân thật. Còn lại có thể biết.

Môn 2- Mười loại đứng (Trú), là bởi vì dừng lại mọi sự phân tán lay động: Bảy loại trước là Trú thuộc Tự phần, ba loại sau là Trú thuộc Thắng tiến.

Môn 3- Ngồi (Tọa), là bởi vì ở nơi yên ổn một thời gian dài: Bốn loại đầu là ngồi nơi thế gian để thâm nhiếp chúng sinh, sáu loại sau là ngồi trong pháp để thành tựu công đức.

Môn 4- Mười loại nằm (Ngọa), là bởi vì buông bỏ thân tâm hợp với Thế của pháp.

Trong mười loại: Ba loại đầu là hiển bày về Định: 1- Gia hạnh điều phục thân tâm; 2- Tu tập; 3- Đạt được Định. Bảy loại còn lại là lợi ích của Định, cũng bao gồm các pháp thiện khác. Nhưng mười sự việc ấy đều cùng một nghĩa giống với nằm: Ba loại đầu-hai loại sau có thể biết; 4- Nằm riêng một mình; 5- Lìa xa thân xác ẩn nấp; 6- Lìa xa nường tựa nhờ cây; 7- Suy nghĩ về tướng sáng ngời mà cảnh giác lẫn nhau; 8- Nằm nghiêng hông bên phải.

Môn 5- Nơi cư trú (Trú xứ), là bởi vì Trí có nơi dừng nghỉ, trước đây trình bày về pháp co thể trú vào, ở đây phân rõ về pháp đã trú vào. Mười câu có thể biết.

Môn 6- Nơi đã thực hành (Hành xứ), trước đây phân rõ về pháp có thể thực hành, ở đây trình bày về pháp đã thực hành. Trong đó: Bốn loại đầu là Tự hành, một Hạnh dựa vào bốn Niệm xứ, A-nan bốn lần thưa hỏi, Đức Phật khiến cho dựa vào an trú. Nay phân rõ về dựa vào Hạnh, còn lại có thể dựa theo suy nghĩ.

Hạnh của Thập Địa, xong.

Đoạn 6: Từ “Thập quán sát...” trở xuống có năm mươi mốt môn, giải đáp câu hỏi về nhân tròn vẹn-quả đầy đủ trước đây. Nếu dựa vào Thật mà luận, thì thành tựu Lực của Như Lai ở bốn môn sau mới trình bày về quả đầy đủ, trước đều là nhân tròn vẹn, bởi vì năm tướng trước trong tám tướng hãy còn thuộc về nhân. Bởi vì trình bày tám tướng đều là thị hiện, cho nên tất cả đưa vào trong quả, tức là phân làm hai mục: Một- Có ba mươi hai môn trình bày về nhân tròn vẹn đến cuối cùng, tức là phần vị Đẳng giác; Hai- Từ “Thập chủng trú Đâu-suất...” trở xuống có mười chín môn, trình bày về Hạnh viên mãn của quả hiện tại, tức là phần vị Diệu giác.

Trong mục một, phân ba: 1- Có mười bốn môn, trình bày về Thế tánh của Hạnh thuộc về nhân; 2- Từ “Thập chủng nghĩa...” trở xuống có tám môn, trình bày về phương tiện thành tựu tu tập; 3- Từ “Thập chủng ma...” trở xuống có mười môn, trình bày về trừ diệt chướng ngại của

Hạnh thuộc về nhân.

Trong mục 1- Có mười bốn môn, phân hai: a- Có bốn môn về phương tiện khởi Hạnh; b- Từ “Thập chủng thí...” trở xuống có mười môn, trình bày Thể của Hạnh thuộc mười Độ.

Trong mục a, có ba tiết: Một- Có hai môn về Ý nghiệp quán sát; Hai- Có một môn về Thân nghiệp tự tại; Ba- Có một môn về Ngữ nghiệp tuyên thuyết thông suốt.

Trong tiết một- Có hai môn về Ý nghiệp quán sát.

Môn 1- Quán sát, là bởi vì hiểu rõ phương tiện, bởi vì hiểu rõ thông suốt và bế tắc.

Trong mười câu: Ba câu đầu là quán sát về chúng sinh đã giáo hóa. Bốn câu tiếp là quán sát về pháp có thể giáo hóa, nghĩa là Lý-Quả-Giáo-Hạnh. Ba câu sau là quán sát về phần vị: 1- Vượt qua yếu kém; 2- Đạt được phần vị; 3- Dụng giống với quả.

Môn 2- Quán sát tất cả, là bởi vì suy nghĩ tường tận rộng khắp mọi nơi.

Trong mười câu: Sáu câu trước là dùng sáu Độ để đối trị sáu loại che lấp chúng sinh; bốn câu sau là cùng trình bày về Tự lợi-Lợi tha, nghĩa là thuận theo người-chứng được pháp, dưới thì giáo hóa-trên thì thành tựu.

Trong tiết hai- Có một môn về Thân nghiệp tự tại, nghĩa là Thật đức chứa đầy bên trong, uy đức tràn ra bên ngoài, như uy thế hùng mạnh nhanh nhạy của Sư tử chúa. Lại có cách giải thích khác, như phẩm Pháp Giới biện biệt.

Trong mười câu: Năm câu trước là dựa vào Dụ. Bốn câu tiếp là dựa theo Pháp. Trên đây đều là Tự phần. Một câu sau là Thắng tiến.

Tiết ba- Có một môn về Ngữ nghiệp. Sư tử gầm lên, là đã dũng mãnh không sợ hãi thì có thể quyết định thuyết giảng rộng ra.

Trong mười câu: Hai câu giữa là khiến cho chúng sinh vượt qua Khổ, trừ bỏ Tập, trú vào Đạo, chứng được Diệt. Còn lại đều có thể biết.

(Từ đây trở xuống đi vào quyển thứ 58 trong kinh).

Mục b- Từ “Thập chủng thí...” trở xuống có mười môn, trình bày Thể của Hạnh thuộc mười Độ, trong đó: Trước là trình bày về sáu Độ, sau là hiển bày về bốn Đẳng. Nghĩa của mười Độ đã giải thích như trước.

Đều nói thanh tịnh, là bởi vì lìa bỏ chướng ngại che lấp, cho nên không giống như Thí-Giới... của thế gian. Nhưng đều dựa vào mười để

biểu thị tròn vẹn, tất cả đều là một nghĩa, mà cùng với chín loại-ba loại như Thí... tách ra-hợp lại không giống nhau. Nếu kết hợp giải thích đầy đủ thì sợ rằng chán ngán vì văn nhiều, cho nên tùy theo hiển bày mà giải thích thẳng vào.

Trước là trình bày về sáu Độ, có sáu môn:

Môn 1: Mười Thí: Loại thứ nhất là Bố thí không có hướng về hay rời bỏ, tức là nghĩa riêng biệt trong Bố thí thanh tịnh. Loại thứ hai là Bố thí toại ý mong cầu. Loại thứ ba là Bố thí niềm vui của hai đời, trong bản tiếng Phạn gọi là Bố thí đúng lúc và cứu giúp khó khăn, bởi vì không mất đi lợi ích. Bảy loại còn lại đều là Bố thí tất cả. Loại thứ tư, tức là quán sát điều ấy thích hợp hay không, nếu có tổn hại thì không nên Bố thí, người rất nghèo khó thấp kém thì phải Bố thí trước hết... Loại thứ năm là Bố thí không mong cầu Dị thực, cũng là Bố thí thanh tịnh. Loại thứ sáu cũng là Bố thí khó thực hành, bởi vì Bố thí những vật quý trọng mà không hề tiếc nuối lưu luyến. Loại thứ bảy là tài sản bên trong-bên ngoài đều Bố thí tất cả không tiếc. Loại thứ tám-thứ chín và thứ mười đều là Bố thí khéo léo. Bởi vì đây là hồi hướng khéo léo đối trị hai lỗi lầm: Một là quán sát về tánh của các hành không bền vững, đối trị về thấy công đức thù thắng đối với Hữu vi ở quả vị lai; hai là bởi vì đầy đủ Đại Bi với Nhị thừa hướng về chứng được Vô vi, cho nên thực hành không trú vào đạo mà hướng đến Bồ-đề. Loại thứ chín là Bố thí làm lợi ích cho chúng sinh, thường dùng Tài thí-Pháp thí, cho nên gọi là không rời bỏ. Loại thứ mười là quên tướng thành tựu về Độ.

Nhưng mười Độ ấy đều có ba Luân mà nghĩa có khác nhau ở chi tiết, như luận Du Già trình bày. Mười loại Bố thí trên đây đều bao gồm ba loại Bố thí.

Môn 2: Mười Giới: Ba loại trước là Luật nghi, loại thứ bảy và thứ mười là thâm nhiếp chúng sinh, còn lại đều là thâm nhiếp pháp thiện.

Lại: Loại thứ tư tức là Giới rộng lớn, loại thứ năm là Giới hồi hướng. Hai loại trên đều là Giới thuộc về Nhất thiết chủng. Loại thứ sáu là duy trì vi tế, tức là Giới khó thực hành. Loại thứ bảy là khiến cho người khác hối hận trừ bỏ, tức là Giới của bậc Thiện sĩ. Loại thứ tám là do đầy đủ phép tắc oai nghi mà thâm nhiếp tiếp nhận giới pháp, ngăn chặn tất cả điều ác, thực hành tất cả điều thiện. Loại thứ chín là Giới vĩnh viễn thoát ra. Hai loại trên tức là Giới thanh tịnh. Loại thứ mười là Giới khiến cho người khác đạt được niềm vui của hai đời.

Môn 3: Mười Nhẫn: Ba loại đầu là nhẫn nại chịu đựng oán thù làm hại, bởi vì nhẫn nại chịu đựng sự náo hại do ba nghiệp của người khác.

Ba loại tiếp là nhẫn nại yên lòng nhận lấy khổ đau, loại đầu và loại sau là nhẫn nại sự việc không vừa lòng, một loại giữa là nhẫn nại nhận lấy khổ đau của thân để cứu giúp chúng sinh. Hai loại sau là nhẫn nại quán sát tường tận về pháp. Loại thứ bảy-thứ tám bao gồm hai Nhẫn sau.

Lại: Loại thứ tư là Nhẫn khó thực hành, đối với người dưới có thể nhẫn nại mà tha thứ không bắt lỗi. Loại thứ năm là quên mình để cứu giúp khó khăn. Loại thứ sáu là nhẫn nại mình thuận với người khác, đều là Nhẫn toại ý mong cầu. Còn lại như trước đã phân định.

Môn 4: Trong mười Tinh tiến: Loại thứ hai cùng với loại thứ mười là làm lợi ích cho hữu tình, loại thứ năm là khoác giáp trụ, những loại còn lại đều là thâm nhiếp pháp thiện.

Lại: Ba loại đầu là ba nghiệp, tức là Tự Thể của Tinh tiến. Loại thứ tư là lìa xa pháp tạp nhiễm. Loại thứ năm là dẫn dắt pháp thanh tịnh. Hai loại trên là Tinh tiến thuộc về tất cả các môn. Loại thứ sáu là không có gì rời bỏ, và không có gì sụt giảm. Loại thứ bảy là không có thua kém. Loại thứ tám là không có điên đảo và gia hạnh thường xuyên mạnh mẽ. Ba loại trên tức là Tinh tiến của bậc Thiện sĩ. Loại thứ chín là tương ứng với bình đẳng, tức là Tinh tiến thuộc về Nhất thiết chủng. Trên đây đều là Tự phần. Loại thứ mười tức là Thắng tiến, bởi vì Tinh tiến thanh tịnh hồi hướng Bồ-đề.

Môn 5: Trong mười Thiền: Năm loại đầu là phương tiện, một loại tiếp là Chánh Định vững vàng thành tựu, hai loại tiếp là Phát Tuệ đoạn trừ phiền não. Tám loại trên đây là Thiền thuộc về Hiện pháp lạc trú. Loại thứ chín là Thiền thuộc về làm lợi ích cho chúng sinh. Loại thứ mười là Thiền thuộc về dẫn dắt phát sinh công đức.

Lại: Loại thứ năm-thứ sáu là phẩm Xa-ma-tha. Loại thứ bảy là phẩm Tỳ-bát-xá-na. Ba loại trên đây là Thiền thuộc về Nhất thiết chủng. Loại thứ tám là bởi vì không có ý vị của Ái và Tỳ-Bi cùng hiện hành, cho nên không rời bỏ cõi Dục, đều là Thiền của bậc Thiện sĩ. Loại thứ chín là tuy phát khởi Thông-Minh mà lợi ích cho chúng sinh. Loại thứ mười là có thể nhanh chóng tiến vào cảnh giới của Phật, đều là Thiền khó thực hành.

Môn 6: Có mười Tuệ: Ba loại đầu là hiểu rõ về pháp, tức là Tuệ thuộc về Gia hạnh; bốn loại tiếp là thâm nhiếp chúng sinh, tức là Tuệ thuộc về Hậu đắc; ba loại sau là chứng lý, tức là Tuệ thuộc về Chánh Thể.

Lại: Năm loại trước là Tuệ thông đạt như thật đối với pháp đã nhận biết. Loại thứ sáu là Tuệ khéo léo quyết định ở trong năm Minh

xứ và ba Tụ. Loại thứ bảy là Tuệ nhận biết có thể dẫn dắt làm lợi ích có ý nghĩa, nghĩa là bởi vì giống với Trí sai biệt của Phật, không phải là phạm phu-Tiểu thừa mà nhận biết được. Trên đây đều là Tuệ thuộc về Nhất thiết trí. Loại thứ tám là Tuệ khó thực hành, bởi vì thông hiểu sâu xa về Vô ngã, mà Vô ngại đối với cảnh. Loại thứ chín là Tuệ đầy đủ Giáo và đầy đủ Hạnh. Loại thứ mười là Tuệ đầy đủ Chứng Trí. Hai loại trên đây tức là Tuệ của bậc Thiện sĩ, nghĩa còn lại như phẩm Thập Hạnh đã dẫn.

Sau là trình bày về bốn Đẳng, có bốn môn. Sáu Độ phần nhiều trình bày về Tự lợi, bốn Đẳng phần nhiều dựa theo Lợi tha. Nhưng bốn Đẳng đối với cảnh có riêng biệt, đã thấy ở Thập Địa. Nay văn thuận theo tổng quát chỉ dựa theo trao cho niềm vui..., để hiển bày riêng biệt.

Môn 1: Trình bày về Từ: Tám loại trước là duyên với chúng sinh, loại thứ chín-thứ mười thì văn hiển bày rõ ràng. Luận Du Già quyển thứ 44, thì trong ba duyên: Đầu là cùng chung ngoại đạo, tiếp là cùng chung Nhị thừa, sau mới là không cùng chung. Ba duyên trong này đều không cùng chung phạm phu-Tiểu thừa, như văn suy nghĩ về điều này!

Môn 2: Có mười loại Bi: Bảy loại trước là duyên với chúng sinh, một loại tiếp là duyên với pháp, hai loại sau là Vô duyên, trong đó: Đầu là thương xót bởi vì chúng sinh che kín Chân tánh của mình, sau là nghĩ đến chúng sinh không biết mà khiến cho tỏ ngộ.

Môn 3: Có mười loại Hỷ: Bốn loại đầu là duyên với chúng sinh, ba loại tiếp là duyên với pháp, ba loại sau là Vô duyên.

Môn 4: Có mười loại Xả, văn nêu ra mười một loại, bản kinh thời Tấn thì hai loại đầu chỉ hợp lại làm một, trong đó: Bốn loại đầu là duyên với chúng sinh, sáu loại tiếp là duyên với pháp, một loại sau là Vô duyên. Trên đây là trình bày về Thể của Hạnh, xong.

Mục 2- Từ “Thập chủng nghĩa...” trở xuống có tám môn, trình bày về Hạnh thuộc phương tiện thành tựu tu tập, trong đó: a-Có năm môn trình bày về Hạnh thuộc Tự phần; b-Có ba môn trình bày về Hạnh thuộc Thắng tiến.

Mục a- Có năm môn trình bày về Hạnh thuộc Tự phần, có ba tiết: Một-Có hai môn trình bày về nghĩa của pháp; Hai- Có hai môn trình bày về phước trí; Ba- Có một môn trình bày về trọn vẹn đầy đủ.

Tiết một- Có hai môn, dùng nghĩa của pháp ấy mà thành tựu Hạnh. Nếu dùng chủ động giải thích làm pháp, thì dùng thụ động giải thích làm nghĩa. Nay ở đây không chọn lấy chủ động giải thích làm pháp, nhưng pháp dựa theo nghĩa của Tự Thể, vì thế cho nên pháp là

tổng quát mà nghĩa thì riêng biệt, còn lại như Địa thứ chín phân rõ trong bốn Vô ngại.

Môn 1: Có mười Nghĩa: Loại thứ nhất là dùng tu hành làm nghĩa của Đa văn, ý thuộc về tu mà không thuộc về nghe. Kinh Tịnh Danh cũng nói: “Đa văn là đạo tràng, bởi vì thực hành như pháp đã nghe.” Loại thứ hai là dùng Tư làm nghĩa về ngôi nhà của pháp. Những loại còn lại dựa theo đây. Nhận biết về pháp tức là pháp thuộc Sự. Tám loại còn lại là pháp thuộc Lý, pháp thuộc Lý cho nên thuộc về Chứng nhập.

Môn 2: Có mười Pháp. Pháp có hai nghĩa: Một-Duy trì tự tánh; hai-Qũy phạm làm phát sinh hiểu biết cho chúng sinh. Nay ở đây: Bảy loại trước là bao gồm hai nghĩa. Hai loại thứ tám-thứ chín chỉ là tự tánh. Loại thứ mười chỉ là quy phạm làm phát sinh hiểu biết.

Ô-ba-đề, Trung Hoa nói là Hữu Khổ, tức là Niết-bàn của Nhị thừa. Luận Phật Tánh quyển thứ 2 nói: “Vô dư của Nhị thừa hãy còn có ba loại tồn tại: 1- Phiền não của Vô minh trụ địa; 2- Nghiệp vô lậu; 3- Khổ của biến dịch. Vì vậy không phải là Vô dư chân thật.” Nay dùng Niết-bàn làm nghĩa của an lạc, sơ lược nêu ra có khổ, vì vậy cần phải rời bỏ. Quy phạm là khiến cho chúng sinh không nên tu theo pháp này.

Tiết hai- Có hai môn trình bày về phước trí, phước trí tức là duyên của đạo thành tựu phước trí, gọi là đầy đủ Trợ đạo. Như nói Tam Bảo không đoạn mất là phước, khuyến khích chúng sinh phát khởi là duyên... Lại đầy đủ hai trang nghiêm mới là Chánh đạo, nói chỉ một phía đều là Trợ đạo, vậy thì phước trí tức là đầy đủ Trợ đạo. Lại bởi vì tướng phước trí của Chánh đạo bất dứt, cho nên trong văn thuyết pháp bố thí, đều chính là phước mà không phải là duyên của phước.

Môn 1: Trong phước đức: Loại thứ hai là thuận với nhân của hồi hướng, loại thứ bảy là không xen tạp pháp thiện của Tiểu thừa mà hồi hướng đối với quả. Còn lại có thể biết.

Môn 2: Trong trí tuệ đầy đủ:

Một- Bên ngoài gần gũi duyên tốt.

Hai- Bên trong điều phục pháp khí.

Ba- Nơi an ổn của Niệm Tuệ: Sáu Niệm tự duy trì, sáu Pháp hòa hợp chúng, đều thấy ở văn trên; sáu Kiên thuận theo phần vị, kinh Bốn Nghiệp quyển Thượng lấy Tam Hiền-Thập Thánh-Đẳng Giác-Diệu Giác làm sáu, nghĩa là Tín kiên, Pháp kiên, Tu kiên, Đức kiên, Đảnh kiên và Giác kiên. Cũng gọi là sáu Nhẫn, nghĩa là Tín-Pháp-Tu-Chánh-Vô cấu và Nhất thiết trí. Lại gọi là sáu Tuệ, nghĩa là Văn-Tư-Tu-Vô

tướng-Chiếu tịch và Tịch chiếu. Lại gọi là sáu Quán, nghĩa là Trú-Hạnh-Hướng-Địa-Vô tướng và Nhất thiết chủng trí. Tức là cũng sáu Tánh, nghĩa là Tập chủng tánh... Vì vậy tất cả chư Phật đều tiến vào nơi này.

Thường tùy thuận mười loại Trí, nghĩa là Pháp trí, Tỷ trí, Tha tâm trí, Thế trí, Trí thuộc bốn Đế, Tận trí và Vô sinh trí. Nếu tách Như Thật ra khác với trước, thì có mười một Trí. Nay dùng Như Thật xuyên suốt các Trí trên, cho nên chỉ nói đến mười Trí, như Trí Luận quyển thứ 26 phân rõ, do Niệm mà thành tựu Trí, cho nên làm phương tiện.

Bốn- Vui với pháp làm cho tinh thần thư thái.

Năm- Tu tập thực hành chân thật.

Sáu- Minh và người cùng thanh tịnh. Nói ba Giác là Dục-Khuể và Hại.

Bảy- Quán sát rộng khắp về Giới thuộc pháp tánh. Như rấn độc, kinh Tịnh Danh và kinh Niết Bàn, đều dùng bốn Đại làm rấn độc, bởi vì tánh làm hại trái ngược. Nay nghĩa ở trong Uẩn nhập là mười tám Giới, bởi vì bốn Đại tức là Nội giới, cho nên luận Câu Xá nói: “Đại chủng nghĩa là bốn Giới.” Nay chọn lấy nghĩa riêng biệt trong tổng quát, cũng thích hợp. Mười tám Giới đều không thể nào giữ lấy, Xứ như xóm làng trống vắng là bởi vì trong đó không có người, đều như kinh Niết Bàn quyển thứ 23 trình bày.

Tám- Hiểu sâu xa về hai Không; từ “Vô tâm...” trở xuống là trình bày về Pháp Không.

Chín- Chỉ và Quán cùng qua lại với nhau, trong đó có hai tiết: 1- Tổng quát về tu Chỉ Quán. 2- Từ “Tâm ý...” trở xuống là cùng giải thích hai môn: Trước là giải thích về Chỉ, mong muốn giữ lấy tướng Ngã là Ngã tướng, đích thực nghĩ đến là Ngã nghiệp, đích thực tổn hại Pháp thân là ung nhọt lở loét, còn lại quá khứ-vị lai diệt mất là vết sẹo, chủ động-thụ động hưởng về vắng lặng cho nên không có đến-đi. Sau từ “Quán nhất thiết...” trở xuống là giải thích về Quán, nói tuy trước-sau mà vận dụng ở trong một lúc.

Mười- Tu tập Chủng trí, nghĩa là thấy pháp thuận theo duyên, thì biết quốc độ do tâm hiện bày, quốc độ do tâm hiện bày cho nên có mà chính là trống rỗng, trống rỗng là pháp tánh, vạn pháp dựa vào pháp tánh mà sinh ra, thấy rõ nguồn gốc của pháp tánh là Trí tuệ chân thật, đều lìa xa cấu nhiễm hư vọng, đều nói là thanh tịnh. Năm lớp tích tập trọn vẹn Nhất thiết trí.

Tiết ba- Có một môn về Minh Túc, là tổng quát hiển bày về trọn

vẹn đầy đủ, phiền não tối tăm không còn, Trí hiểu biết hiển bày cho nên gọi là Minh. Túc có hai nghĩa: 1-Bởi vì Trí trọn vẹn đầy đủ; 2-Bởi vì có tiến lên hưởng về, cho nên Túc ấy giống như chân bước.

Đây tức là nghĩa về Minh Hạnh Túc của mười tôn hiệu, Quả xứng với trọn vẹn đầy đủ, Nhân làm chân bước. Lại dựa theo kinh Niết Bàn quyển thứ 18 lấy Minh làm quả, đó gọi là Bồ-đề lấy Hạnh làm chân bước, nghĩa là Giới-Định..., mở rộng như kinh ấy nói. Đây là ở phần vị Đẳng giác, nghĩa bao gồm hai chân, hưởng về nghĩa của chân bước, môn này cũng có thể gọi là Thắng tiến.

Trong mười câu: Bảy câu trước dựa theo Hạnh, ba câu sau riêng biệt nêu ra ba Minh. Trình bày về Hạnh thuộc Tự phần, xong.

Mục b- Từ “Hữu thập chủng cầu pháp...” trở xuống có ba môn, trình bày về Hạnh thuộc Thắng tiến: Môn 1- Lại mong cầu pháp quan trọng; môn 2- Đạt được rồi hiểu rõ ràng; môn 3- Như thuyết tu hành.

Môn 1: Dựa vào pháp này mà thành tựu Hạnh: Một- Tâm bắt đầu chỉ có ngay thẳng; Hai- Giữa và sau không có lời lỏng; Ba-Bên trong không tiếc thân mạng; Bốn- Bên ngoài không còn danh lợi; Năm- Tự lợi và Lợi tha cùng trọn vẹn; Sáu- Hiểu được ý mất ngôn từ; Bảy- Quả không mong cầu gần; Tám- Nhân đáp lại những việc đã làm; Chín- Giải quyết tất cả nghi ngờ mê hoặc; Mười- Chỉ đầy đủ Phật thừa. Là xa mười loại mong cầu này đều là mong cầu tà vạy.

Môn 2: Hiểu rõ ràng về pháp: Đạt được mà không y theo đạt được, mong cầu để làm gì? Tổng quát là dùng Trí thù thắng của Phổ Hiền, nhận biết rõ ràng sai biệt về phàm-Thánh của Tam thừa:

Một- Phàm phu, bởi vì giống như trẻ thơ (Đồng tử) không biết gì, chưa có thể ra khỏi thế gian, tùy theo thế tục mà nuôi lớn bốn thiện căn.

Hai- Độn căn, bởi vì tin theo lời người khác nói mà thực hành về đạo, cho nên gọi là Tùy tín hành.

Ba- Lợi căn, bởi vì tự mình mở sách tìm đọc các pháp trong Kinh điển mà thực hành về đạo, cho nên gọi là Tùy pháp hành.

Nhưng nay đã nói hiểu rõ tự tánh của các pháp, tức là biết trong mười loại, thì chín loại trước cũng hàm chứa đầy đủ Đại thừa, vì vậy Trí Luận trình bày có Tam thừa cùng chung pháp của Thập Địa. Hai người trên đây dựa theo căn mà phân ra khác nhau.

Bốn- Người thứ tám, tức là Hưởng thuộc Quả thứ nhất. Nhưng trong phẩm Hiền Thánh của luận Câu Xá giải thích rằng: “Người thứ tám, gọi là Khổ pháp nhẫn, bởi vì trong tám Nhẫn, từ sau kể ra là thứ

tám.”

Lại trong Trí Luận có địa vị của tám người, nếu dựa theo đoạn trừ vượt lên trên (Siêu đoạn) thì có thể đầy đủ Hưởng thuộc Quả thứ hai-thứ ba, nghĩa là đầy đủ Tu đạo-phiền não và đoạn trừ, từ địa vị thứ nhất đến địa vị thứ năm đều là đoạn trừ của Hưởng thuộc Quả thứ nhất, ba địa vị tiếp theo là hai đoạn trừ (Duyên phược đoạn và bất sinh đoạn) của Hưởng, địa vị thứ chín cho đến Địa thứ tám thì phiền não không còn mà đạt đến Khổ pháp nhãn, tức là Hưởng thứ ba.

Năm- Pháp của Quả thứ nhất đoạn trừ các kiết, nghĩa là ba Chánh-ba Tùy đã giống như Thập Địa, cũng có thể do Kiến mà đoạn trừ phiền não, tám mươi tám Sở gọi là các Kiết; do thấy Đế lý mà đoạn trừ Vô minh lậu, Vô minh là căn bản của sinh tử, Lậu gọi là sinh tử.

Sáu- Quả Nhất Lai, quán sát lỗi lầm tai họa của vị Dục đã đoạn trừ sáu phẩm, tuy ba phẩm phiền não có thể tươi thắm một đời, một lần trở lại mà nhận biết không còn trở lại nữa.

Bảy- Quả Bất Hoàn, đoạn trừ hết chín phẩm phiền não, không trở lại cõi Dục, cho đến Địa thứ tám thì phiền não đều đoạn trừ, tổng quát nói rằng không vui thích ba cõi.

Tám- Quả Vô Học có tám Giải Thoát: 1- Giải thoát bên trong có Sắc quán sát Sắc bên ngoài. 2- Giải thoát bên trong không có Sắc quán sát Sắc bên ngoài. 3- Giải thoát thanh tịnh. Hai loại đầu như thứ tự dựa vào Thiên thứ nhất-thứ hai, loại thứ ba dựa vào Thiên thứ tư. Tiếp theo bốn Vô sắc là bốn Giải thoát. 8- Tức là Giải thoát Diệt thọ tưởng. Nghĩa còn lại đã thấy ở văn trước, mở rộng như các Luận. 9 và 10 có thể biết.

Môn 3: Pháp tu hành, là như thuyết giảng mà tu hành, mới đạt được pháp Phật. Thường vì chư Thiên, bởi vì chữ Vi là Khử thanh (thanh thứ 3 của Hán cổ, thanh thứ 4 của Hán hiện đại). Bản kinh thời Tấn nói: “Giác ngộ chư Thiên.” Còn lại đều có thể biết.

Trên đây là Hạnh thuộc phương tiện thành tựu tu tập, xong.

Mục 3- Từ “Hữu thập chủng ma...” trở xuống có mười môn, trình bày về Hạnh lìa xa chướng, phân hai: a- Năm môn trước trình bày thành tựu về Hạnh lìa xa chướng; b- Năm môn sau trình bày về gia trì lìa xa chướng.

Trong mục a- Năm môn trước trình bày thành tựu về Hạnh lìa xa chướng, phân ba tiết: Một- Có hai môn trình bày về Thể của chướng đã lìa xa; Hai- Có một môn trình bày về phương tiện lìa xa chướng; Ba- Có hai môn hiển bày về thành tựu Hạnh được thấy Phật.

Trong tiết một- Có hai môn trình bày về Thể của chướng đã lia xa: Môn 1- Hiện bày về Thể của Ma; môn 2- Phân rõ về nhân của Ma.

Môn 1: Bởi vì mười loại Ma có thể chướng ngại cho Đạo: 1- Ma Uẩn, thân là vật dụng của Đạo, Thể cùng với Phật giống nhau, lẽ nào chính là nơi tích chứa của Ma? Tên gọi của Ma chỉ là do vướng mắc giữ lấy (Thủ trước), chín loại sau ví dụ như vậy, đều dùng câu sau để giải thích thành tựu về nghĩa của Ma. Vậy thì biết do tâm phân biệt mà vạn pháp đều là Ma, đâu chỉ có mười loại này, cho nên nêu ra Trí của pháp Bồ-đề, lấy thù thắng so với yếu kém, không do tâm phân biệt, thì tất cả đều là Phật, lẽ nào rời bỏ cảnh giới của Ma để mong cầu cảnh giới của Phật hay sao? Nhưng bốn Ma thắng thấn dựa vào Thể để trình bày, mười Ma phần nhiều dựa theo giữ lấy kiến chấp (Chấp thủ). Bởi vì mười biểu thị cho vô tận, cùng với bốn không giống nhau. Nếu muốn thâm nhiếp, thì trừ ra ba loại, còn lại đều là phiền não. Thâm nhiếp về pháp tức là thụ động chứng được, Trí là chủ động chứng được, chủ động và thụ động phù hợp sâu xa cho nên gọi là Bồ-đề. Nếu không rời bỏ kiến chấp phân biệt về Bồ-đề, thì đã là Ma rồi. Vẫn còn lại tự nhiên hiển bày.

Môn 2: Có mười nghiệp Ma, bởi vì thực hành mười sự việc này đều có thể trái với thiện, cũng chuốc lấy Thiên Ma, cho nên trở thành nghiệp ma.

Trong mười loại: Một- Bởi vì quên mất nguồn gốc của Hạnh, khiến cho pháp thiện đã tu cảm lấy quả sinh tử, không đến được Bồ-đề, cho nên chính là nghiệp ma. Hai- Bởi vì không bình đẳng đối với che lấp-hóa độ, trong đó: Hai loại đầu là che lấp cùng thực hành hóa độ, bốn loại sau là che bai ghét bỏ người có che lấp. Vẫn có phỏng theo tóm lược mà thôi. Nói đến Đạo chân thật, thì không bố thí, không keo kiệt, không giữ gìn, không vi phạm, không nhẩn nhịn, không làm hại, không tiến tới, không lơ lửng, không yên định, không tán loạn, không trí tuệ, không ngu dốt, che bai người khác không nhẩn nhịn thì Nhẩn độ lẽ nào thành tựu hay sao? Những loại khác đều dựa theo đây. Lại bởi vì xót thương mà chuyển hóa điều ác, hướng hồ điều ác là giúp đỡ cho điều thiện, không quý trọng sự giúp đỡ ấy, thì thật là vô cùng mê muội. Tám loại còn lại dễ biết. Nhưng xem văn này khó tránh khỏi nghiệp Ma, mong các vị Hậu học xét kỹ điều này để thức tỉnh chính mình!

Tiết hai- Có một môn trình bày về phương tiện lia xa chướng: Rời bỏ nghiệp ma tức là phương tiện lia xa chướng, tu tập đối trị với chướng ngại, cho nên nói là rời bỏ lia xa.

Nhưng mười câu này đối lập ngược lại với trước, chỉ sơ lược nêu ra mà không theo thứ tự: Câu 1 trở lại làm câu thứ năm. Câu 2 trở lại làm câu thứ hai. Câu 3 trở lại làm câu thứ bảy. Câu 4 trở lại làm câu thứ nhất. Câu 5 trở lại làm câu thứ tư. Câu 6 trở lại làm câu thứ tám. Câu 7 trở lại làm câu thứ ba. Câu 8 trở lại làm câu thứ chín, bởi vì cứu giúp che chở chúng sinh. Câu 9 trở lại làm câu thứ mười, bởi vì nếu được Phật gia hộ thì chấm dứt che lấp điều ác. Câu 10 trở lại làm câu thứ sáu, bởi vì cùng một thiện căn, lẽ nào mong cầu điều ác hay sao?

Như vậy muốn hiển bày tùy theo một thiện căn ấy, tổng quát quay trở lại mười câu trước đây, hoặc là dùng nhiều pháp thiện cùng quay trở lại một câu trước đây, khiến cho không cố chấp, cho nên không theo thứ tự mà thôi.

Tiết ba- Có hai môn hiển bày về thành tựu Hạnh được thấy Phật: Bởi vì lìa xa chướng, cho nên thành tựu Hạnh của quả hiện tại. Trong đó: Môn 1- Được thấy Phật; môn 2- Thành tựu Hạnh.

Môn 1: Tức là quả hiện tại. Trong này, đã được thấy tức là mười vị Phật trước đây, cũng là mười Thân của Địa thứ tám, mười Thân cùng với tên gọi ở đây không giống nhau về chi tiết, đã kết hợp như trước.

Nhưng trong này trình bày về được thấy, đều xứng với Phật ấy mà được thấy, như nói rằng không có đấm theo thì tự nhiên thuộc về Chánh giác, chứ không nói là Bồ-tát đối với vị Phật ấy không đấm theo. Nếu Bồ-tát đối với vị Phật này không đấm theo, thì chín vị Phật sau lẽ nào là đấm theo hay sao? Vậy thì biết đều dựa vào đã được thấy để trình bày về được thấy cũng không nhất định, một nửa dựa vào đã được thấy, một nửa dựa theo có thể được thấy.

Một: Không có đấm theo: An trú nơi thế gian cho nên không đấm theo Niết-bàn, thành tựu Chánh giác cho nên không đấm theo sinh tử, nương theo Đạo không hề trú vào mà thị hiện thành tựu Chánh giác, cho nên gọi là không có đấm theo. Xứng với điều này mà được thấy là được thấy Chánh giác. Những loại khác đều dựa theo đây. Lại không có Tà Tuệ nào mà không lìa xa, cho nên nói là không có đấm theo; không có Chánh Đức nào mà không tròn vẹn, cho nên nói là Chánh giác, thì Phật và được thấy phỏng theo tóm lược. Đây tức là câu tổng quát, chín câu còn lại đều là nghĩa riêng biệt của câu này.

Hai: Nương theo Nguyện mà sinh ra. Văn trước đây nói bởi vì Nguyện lực của Phật cho nên không có nơi nào không hiện bày. Lại nương theo Nguyện này mà có thể sinh ra tất cả công đức.

Ba: Báo tức là Thân nghiệp trang nghiêm bằng tướng tốt, tức là

nhân của vạn hạnh mà tin sâu sắc là đứng đầu, nói tin sâu sắc mà được thấy. Văn sau Thiện Tài nói: Tất cả chư Phật khởi lên từ nơi tâm tin tưởng, cũng có thể khiến cho người được thấy mà tin tưởng.

Bốn: Tùy thuận chúng sinh mà trú trì Xá-lợi... Lại tùy thuận chúng sinh mà dùng âm thanh viên mãn rộng khắp tất cả ba đời để duy trì pháp Phật.

Năm: Niết-bàn tức là Hóa thân, Hóa thân thị hiện diệt độ cho nên gọi là Niết-bàn. Được thấy tiến sâu vào, là tiến sâu vào Niết-bàn mà có thể thị hiện diệt độ, tiến sâu vào sinh tử mà thị hiện diệt độ không phải là chân thật.

Sáu: Pháp thân đầy khắp mọi nơi pháp giới, bởi vì pháp giới là Thể của Phật.

Bảy: Tánh Duy Thức chân thật an trú trong lặng, vốn là tâm của Phật.

Tám: Vắng lặng trống trải không có nương tựa, bắt dứt lộ trình của tâm-ngôn tức là nghĩa về Tam-muội, suy ra tương tự đều như vậy, vốn là vô lượng Tam-muội.

Chín: Bình đẳng tánh trí hiểu rõ về tánh vốn có, Chân tánh của Bản giác là tánh rõ ràng vốn có.

Mười: Bởi vì tùy theo ý mình và người khác, cho nên không có Thân nào không thọ.

Dựa vào mười Thân được thấy trên đây thì chân thật được thấy Phật. Đã nhận biết tổng quát-riêng biệt về sáu tướng viên dung của mười vị Phật, thì mười Thân được thấy cũng không có gì chướng ngại.

Lại mười loại này thấu nhiếp làm thành năm cặp: 1-Thụ động xuất hiện và chủ động xuất hiện làm một cặp. 2-Chánh báo và tùy ý duy trì làm một cặp. 3-Chân thường và rộng khắp mọi nơi làm một cặp. 4-Bên trong an trú và bên ngoài vắng lặng làm một cặp. 5-Thể sâu xa và Dụng rộng lớn làm một cặp. Như văn suy nghĩ về điều này!

Mười vị Phật-mười Thân trên đây, tương tự như vậy làm thành một cặp. Lại mười Thân được thấy này đều có mười loại, đều như phẩm Bất Tư Nghị Pháp... phân rõ.

Môn 2: Có mười loại nghiệp của Phật, tức là thành tựu Hạnh. Trước đây được thấy Thể của Phật, nay phân rõ về nhân của Phật. Và lại, Hạnh thuận với Hạnh của Phật cho nên gọi là nghiệp của Phật, bởi vì Phật lấy lợi ích cho chúng sinh để làm sự nghiệp.

Trong mười loại: Đầu là tổng quát, còn lại là riêng biệt. Lại tổng quát-riêng biệt hợp lại làm thành năm cặp:

1: Dẫn dắt người tỉnh và chuyển hóa người mộng làm một cặp. 2: Mở thông ràng buộc và giới thanh tịnh làm một cặp. Phạm giới nghi ngờ hối hận cho nên ràng buộc vì điều ấy, khiến sám hối trừ bỏ điều ấy cho nên gọi là vượt ra khỏi. Giới có nhiều loại, vượt ra khỏi cũng có nhiều. Tổng quát về tướng mà nói, thì không vượt qua hai loại: 1- Sự; 2- Lý. Sự tùy theo Thiên-Tụ khinh trọng mà sám hối trừ bỏ, Lý quán sát về Tánh Không là chân thật phụng trì giới luật. Nếu đầy đủ hai loại thì không có tội nào không lìa xa.

Lại như luận Du Già quyển thứ 99 nói: “Có năm việc làm xấu ác, tức là hối hận ràng buộc: 1- Dấy lên tư duy như vậy, về sau nhất định tự quả trách mình. 2- Chư Thiên trách mắng. 3- Đại Sư và người cùng thực hành quả trách. 4- Tiếng xấu lan truyền khắp nơi. 5- Chết rơi vào nẻo ác.”

Cũng có năm tướng có thể trừ bỏ việc làm xấu ác này, nghĩa là Phật cho phép mà trở lại thanh tịnh, bởi vì không biết gì cho nên Ngã đã diệt mất, tướng lai không có ý phạm vào cho nên Ngã đã sinh ra, đã sám hối đối với người cùng Phạm hạnh, Đức Phật dạy rằng sám hối trừ bỏ là tốt lành thay! Bởi vì việc làm xấu ác nối tiếp nhau mà bị che kín. Còn lại như kinh Tịnh Danh quyển thứ nhất và phẩm Tùy Hảo phân rõ.

3: Hiện tướng thuyết pháp làm một cặp. Ở trong hiện tướng, bởi vì tướng của Như Lai từ sáu Độ sinh ra, trừ bỏ sáu che lấp mà thấy được tướng thù thắng này, cho nên không mong mỗi Nhị thừa. Nhìn thấy thiện căn của Từ, nhất định nhận biết là tôn quý thù thắng, tâm trú vào cảnh giới của Phật, tự nhiên mất đi uy quang của mình, cho nên không có làm hại...

4: Hàng phục ma quân bảo vệ Tiểu thừa làm một cặp.

5: Bi thâm nhiếp cùng hiện hành làm một cặp. Trong cùng hiện hành có mười hai câu:

Một câu đầu tổng quát trình bày về bốn Đế thuộc Vô tác. Không kinh ngạc sợ hãi, là bởi vì phiền não hư vọng xưa không có mà nay có cho nên kinh ngạc, khổ đau hư vọng bức bách làm hại thân tâm cho nên sợ hãi. Nay đều hiểu rõ vốn vắng lặng tức là giống với Lý về Diệt, cho nên không kinh ngạc sợ hãi, tuy hiểu rõ vốn vắng lặng mà tu phước trí làm Đạo có thể đối trị.

Mười một câu còn lại là riêng biệt, trong đó: Một câu đầu là dựa theo Khổ, một câu tiếp là dựa theo Tập, tám câu tiếp là dựa theo Đạo, một câu sau là dựa theo Diệt, vẫn đều có thể biết.

Trong mục b- Từ “Hữu thập mạn...” trở xuống có năm môn, trình

bày về Hạnh gia trì lìa xa chướng ngại, có hai tiết: Một-Có hai môn về Hạnh lìa xa chướng thành tựu bên trong; hai-Có ba môn sau về Hạnh gia trì đạt được bên ngoài.

Trong tiết một- Có hai môn về Hạnh lìa xa chướng: Môn 1- Nêu ra chướng; môn 2- Hiện bày về đối trị

Môn 1: Mạn, là cậy thế mình hơn người khác, đề cao mình là tánh; có thể chướng ngại đến không Mạn, sinh ra khổ là nghiệp. Nhưng trong Kinh-Luận giải thích nhiều sai biệt, tạm thời trình bày về bảy Mạn. Luận Câu Xá quyển 19 nói: “1- Mạn; 2- Quá mạn; 3- Mạn quá mạn; 4- Ngã mạn; 5- Tăng thượng mạn; 6- Ti mạn; 7- Tà mạn.”

Nay văn tách ra làm mười: Loại thứ 4-thứ 5 và thứ 9 có đủ tên gọi của loại ấy, 7 loại còn lại chỉ có nghĩa của loại ấy.

Ba loại trước tức là Mạn, bởi vì chỉ dựa theo tâm có cao ngạo, bởi vì Luận ấy nói: “1- Mạn, nghĩa là thua kém đối với người khác nói là mình hơn hẳn, ngang bằng đối với người khác nói là mình ngang bằng. Tuy có thể xứng với cảnh nhưng bởi vì tâm cao ngạo, cho nên gọi là Mạn.” Trong mười loại Mạn:

1- Xem thường đối với người khác.

2 và 3-Khinh mạn đối với giáo pháp.

4- Trung bình mà tự cao lấn hiếp người khác, thì bằng người khác mà nói là mình hơn hẳn, tức là Quá mạn, bởi vì vượt qua Mạn trước đây.

5- Chính là Mạn quá mạn. Nay nói Quá, Quá là bởi vì vượt qua Mạn trước đây. Người có đức nên ca ngợi, thì không vui khi thấy ca ngợi đối với người khác hơn hẳn, liền nói là mình hơn hẳn cho nên thích hợp phải ca ngợi mình.

6- Chính là Tà mạn. Nghĩa là đối với không có đức nói mình có đức, cho nên gọi là Tà mạn. Thành tựu ác hạnh gọi là không có đức. Cậy vào điều ác mà cao ngạo, gọi đó là Mạn. Tự mình khởi lên phỉ báng, tức là ác hạnh.

7- Chính là Ti mạn. Người lớn tuổi già yếu có đức nhất định người ấy hơn mình phần nhiều, không nên câu nệ việc làm, thì nói là mình tuổi trẻ non kém sao có thể làm việc cho người khác.

8- Cũng bởi vì Tà mạn mà khởi lên ác hạnh.

9- Chính là Ngã mạn. Do Ngã mạn mà xâm phạm bừa bãi.

10- Chính là Tăng thượng mạn. Điều thiện mới chưa khởi lên, nhất định chưa đạt được; không nên tranh cãi mà tranh cãi, mà nhất định nói là đạt được. Loại ấy chỉ để sau đã từng phát ra.

Dựa theo bản tiếng Phạn thì nên quay lại đặt ở sau hầm sâu mà ở trước trăm ngàn kiếp. Bản tiếng Phạn ấy thuận theo tiêu diệt, sau nói là không nên nói mà nói, nói nhiều gây ra tranh chấp, phát khởi oán thù hiềm khích, thường xuyên thực hành pháp này sẽ rơi vào hầm lửa. Nhưng bởi vì lực của tâm Bồ-đề đã từng tích tập, cảm được lực tự tại thọ sinh trong nhà tôn quý, trải qua trăm ngàn kiếp hãy còn không được thấy Phật, huống gì nghe pháp.

Bản kinh thời Tấn và kinh Độ Thế, đại ý đều giống với bản tiếng Phạn.

Nếu chỉ dựa vào kinh này giải thích, thì sẽ rơi vào hầm sâu, nói lỗi lầm của Mạn ấy, cuối cùng tự mình tỉnh ngộ, rõ ràng không phải là mãi mãi chìm đắm.

Nếu dựa theo tám Mạn thì ba loại trước đều là Kiêu mạn, cũng gọi là Ngạo mạn, đều đối với cảnh tôn nghiêm không chịu lễ lạy cung kính. Còn lại như giải thích riêng biệt.

Môn 2: Từ “Nhược chư Bồ-tát...” trở xuống có mười loại nghiệp của Trí, hiển bày về Hạnh đối trị. Nghĩa là đã hiểu biết phiền não chướng ngại thì không để cho tăng trưởng, chế ngự tình theo Lý mà kính trọng thực hành giáo pháp, cho nên gọi là nghiệp của Trí.

Trong văn: Đầu là kết thúc phần trước sinh khởi phần sau, văn nối thông hai đoạn; sau từ “Hà đẳng...” trở xuống chính thức hiển bày đều là tác dụng của Trí, cho nên gọi là nghiệp.

Tiết hai- Từ “Ma nhiếp trì...” trở xuống có ba môn phân rõ về Hạnh gia trì đạt được bên ngoài, phân hai: Môn 1-Chương đã lia xa; môn 2 và 3-Hạnh có thể đối trị.

Môn 1: Tức là gia trì chương ngại căm ghét, bởi vì hành bên trong trái với Lý, cho nên Ma bên ngoài được dịp thuận tiện, gọi là Nhiếp trì. Lại hành trái với Lý tức là Ma thâm nhiếp.

Trong mười câu: Hai câu đầu là tâm lười nhác, ý chí hạn hẹp. Hai câu tiếp là thực hành ít, hiểu biết ngưng trệ. Hai câu tiếp là rời bỏ nguyện, hướng về đoạn dứt. Hai câu tiếp là thành tựu nhỏ, rời bỏ to lớn. Hai câu sau là rời bỏ Bi, bài báng giáo pháp.

Môn 2 và 3: Từ “Phật sở nhiếp...” trở xuống, trình bày về Hạnh có thể đối trị, bởi vì lia bỏ Tà, cho nên tự nhiên hợp với Chánh. Trong đó: Môn 2-Phật; môn 3-Pháp.

Môn 2: Trước là kết thúc phần trước sinh khởi phần sau; sau từ “Hà đẳng...” trở xuống là chính thức trình bày, văn hiển bày có thể biết.

Môn 3: Trong pháp thân nhiếp: Bốn loại trước tức là bốn Pháp Ấn, hai loại tiếp là tổng quát-riêng biệt về duyên sinh, hai loại tiếp là Đại-Tiểu, hai loại sau là Trí-Đoạn.

Trên là phân rõ về nhân tròn vẹn đến cuối cùng, xong.

Trong mục hai từ “Thập chủng trú Đâu-suất...” trở xuống có mười chín môn, trình bày về Hạnh viên mãn thuộc Dụng của quả, phần nhiều dựa theo tám tướng để hiển bày về Dụng của quả, rõ ràng là Quả thuộc Đại Dụng của Phổ Hiền, thuyết giảng không dựa vào phần Thật báo ở Tịnh độ. Lại hiển bày về Thật báo vốn không thể nói được. Lại hiển bày về tám tướng vốn bao gồm nhân quả.

Trường hàng phân làm mười mục: 1- Có một môn trình bày về trú ở cõi Trời; 2- Có một môn trình bày về thị hiện mất đi; 3- Có một môn trình bày về Nhập thai; 4- Có một môn trình bày về Trú thai; 5- Có ba môn trình bày về Sơ sinh; 6- Có hai môn trình bày về Tại gia; 7- Có hai môn trình bày về Xuất gia; 8- Có năm môn trình bày về Thành đạo; 9- Có hai môn trình bày về Chuyển pháp luân; 10- Có một môn trình bày về nhập Niết-bàn.

Hai môn đầu hợp lại thuộc về môn thứ ba, tức là tám tướng.

Mục 1- Có một môn trình bày về trú ở cõi Trời. Muốn giải thích về Hạ sinh, trước phải trình bày những việc làm ở cõi trời: 1- Cảm hóa trời cõi Dục. 2- Cảm hóa trời cõi Sắc. 3- Cảm hóa khắp Đại thiên thế giới. 4- Đồng loại cùng nhau bàn luận. 5- Thuyết giảng cho đồng loại. 6- Khéo léo làm cho Ma quân phải hàng phục. 7- Âm nhạc thuyết pháp. 8- Đến nơi Phật nghe pháp. 9- Cúng dường nhiều Đức Phật. 10- Nhiều thân làm lợi ích cho chúng sinh.

Mục 2- Có một môn trình bày về thị hiện mất đi. Thời cơ đến thị hiện mất đi nói là sẽ Hạ sinh. Kinh Đại Thừa Phương Tiện quyển Hạ nói rằng: “Bồ-tát như Bồ-nhệ của mình, ở nơi cung trời Đâu-suất, có thể đạt được Bồ-đề mà chuyển pháp luân, không phải là không có năng lực. Bồ-tát tư duy rằng: Người cõi Diêm-phù-đề, không có thể đi đến cõi trời Đâu-suất này để lắng nghe tiếp nhận giáo pháp, người ở cõi trời Đâu-suất có thể đi xuống cõi Diêm-phù-đề. Vì thế cho nên thọ sinh ở cõi dưới.”

Trong mười câu: 1- Cứu giúp nhiều chúng sinh. 2- Thức tỉnh người có duyên khắp nơi. 3- Trang nghiêm quốc độ chọn ra những gì không thích hợp. 4- Giác ngộ quyến thuộc dẫn theo. 5- Bí mật triệu tập quyến thuộc hầu hạ bảo vệ. 6- Nói cho Đương cơ biết trước. 7- Khiến cho quyến thuộc giúp đỡ nhận biết. 8- Làm thanh tịnh nơi chốn sinh ra. 9-

Kéo dài tuổi thọ cõi trời. 10- Hiện ra nhiều sự việc khó nghĩ bàn.

(Từ đây trở xuống đi vào quyển thứ 59 trong kinh).

Mục 3- Có một môn, chính thức trình bày về mười sự việc tiến vào thai. Như có người hỏi rằng: Ở trong bốn Sinh loại thì Hóa sinh là bậc Thượng, Phật là thù thắng nhất vì sao thuộc về Thai sinh? Trong các Kinh-Luận, phần nhiều dùng duyên đầu tiên để giải thích thông suốt câu hỏi này.

Nay trình bày đầy đủ mười sự việc để biểu thị về Vô tận: 1- Giáo hóa người kém hiểu biết, đây là bao gồm phàm phu-Tiểu thừa. 2- Thâu nhiếp quyển thuộc Hóa sinh, bởi vì giả sử có cha mẹ... mà ân nuôi dưỡng ít. 3- Ba thời không có tán loạn, lúc ra khỏi thai không có tán loạn, bởi vì thuộc về sau lúc mới sinh ra.

Phẩm Thế trong luận Câu Xá trình bày: “Luân Vương chỉ riêng lúc tiến vào thai không có tán loạn, Duyên giác bao gồm trú trong thai, chỉ có Phật trong ba thời không có tán loạn, bởi vì phước-trí đều thù thắng.” Luận Du Già giống như Luận này. Ba sự việc trên đây trong Tiểu thừa giáo cũng nói đến.

Bốn sự việc tiếp theo sau bao gồm Quyền giáo-Đại thừa giáo: 4- Dẫn thuyết giáo pháp làm lợi ích chúng sinh. 5- Nương theo Nguyên thuộc về Hóa sinh. 6- Phá trừ Mạn thuộc về Thai sinh, ai có thể đối với Phật mà cậy vào chủng tộc? 7- Thai che chắn mà không ngăn cách, khiến cho người có Đại tâm cùng nhìn thấy.

Ba sự việc sau chỉ có ở Thật giáo: 8- Đồng loại cùng nhau tập hợp thuyết giảng về Trí tuệ tạng, mà làm Thai tạng. 9- Định lực hiện rõ trang nghiêm, dùng Vô cấu tạng mà làm Thai tạng. 10- Phát khởi cúng dường nghe pháp, dùng Pháp giới tạng mà làm Thai tạng.

Một sự việc thứ 10 là tổng quát, sự việc thứ 8-thứ 9 tức là nghĩa riêng biệt của Pháp giới, Pháp giới vắng lặng là nghĩa của Vô cấu, vắng lặng mà thường soi chiếu là nghĩa của Trí tuệ.

Lại hai sự việc trước là chủ động chứng được, một sự việc sau là thụ động chứng được, chủ động-thụ động phù hợp sâu xa mà sinh ra chư Phật.

Lại hai sự việc trước là không làm hồng nhỏ bé mà dung nạp rộng lớn, một sự việc sau là không rời khỏi nơi này mà có khắp mọi nơi, tự tại như vậy vốn là Phật sinh ra.

Mục 4- Có một môn, nơi chốn vi tế tức là trình bày về mười sự việc trú trong thai:

Một sự việc đầu là tổng quát về hiện rõ địa vị. Tám sự việc tiếp là

trình bày về hiện rõ bảy tướng, bởi vì ở trong thai vốn là chủ động hiện rõ, Đồng tử vốn thuộc về tướng ở trong Vương cung. Một sự việc sau là tổng quát kết luận về nhiều môn, gộp lại trong một tướng cùng một lúc hiện rõ như nhau, sâu xa bí mật khó biết cho nên gọi là vi tế.

Mục 5- Từ “Thập chủng sinh...” trở xuống có ba môn, trình bày về tướng Sơ sinh.

Môn 1: Chính thức phân rõ, tức là lúc sinh ra từ hông bên phải: Một tướng đầu tức là lúc sinh ra không có tán loạn, một tướng sau là rung động thế giới làm lợi ích cho chúng sinh, tám tướng giữa có thể biết.

Môn 2: Hiện rõ vẻ mặt tươi cười ở lúc bước đi bảy bước. Kinh Thụy Ứng nói: “Bồ-tát thị hiện Đản sinh liền bước đi bảy bước, một tay chỉ lên trời, một tay chỉ xuống đất, cất tiếng nói rằng: Trên trời dưới đất chỉ có Ngã là tôn quý.” Tức là tự mình thề nguyện.

Trong mười câu: Ba câu đầu là tự mừng cho mình. Sáu câu tiếp là mừng vì có thể làm lợi ích rộng khắp cho tất cả chúng sinh (Quần phẩm): 4- Không có trí tuệ mà tự kiêu mạn thì mình có thể phá trừ. 5- Thiện căn xưa kia mà nay lui sụt thì mình có thể nối tiếp. 6- Có thể làm ruộng phước tốt lành cho chúng sinh. 7- Thấy chúng sinh nghe giáo pháp vốn có lợi ích không hư hỏng. 8- Xót thương những người cùng thực hành mà không thành Phật. 9- Thương xót những người cùng hội tụ mà đắm vào địa vị phạm phu. Một câu sau là được Phật gia hộ.

Môn 3: Bước đi bảy bước, nghĩa là mới sinh ra ở mặt đất mà mười phương đều bước đi bảy bước, hiển bày về tự tại hiếm lạ vô cùng; số bảy vượt qua số ba gọi là vượt qua ba cõi, tùy theo mặt đất đã bước qua đều hiện rõ Kim Cang. Còn lại đều có thể biết.

Mục 6- Từ “Đồng tử địa...” trở xuống có hai môn, trình bày về Hạnh tại gia giống như thế tục, đều là tướng ở trong Vương cung, Đồng tử đã thuộc về Vương cung. Nhưng môn 1 là trình bày về tuổi thơ mà ôm ấp đức hạnh tài năng, biểu hiện đều là siêu tuyệt; môn 2 là trình bày về cao quý vô cùng mà không hề nhiễm trước, để làm sáng tỏ về đức cao xa.

Môn 1: Câu thứ 8 nói rằng khiến cho vui thích giáo pháp, là tuổi thơ mà Phạm hạnh, đức nghiệp đặc biệt tuyệt vời, về sau thấy Đạo thành tựu thì nhất định vui với giáo pháp ấy. Chín câu còn lại có thể biết.

Môn 2: Chính thức trình bày ở trong Vương cung, trong mười câu: Câu 1 là chuyển hóa người cùng thực hành, bởi vì cùng thực hành ở

trong Vương cung như Cù-ba (Cù-di là Phu nhân đệ nhất của Thái tử Tất-đạt). Câu 4 là thời đại hỗn loạn đen tối mừng vui tôn trọng. Tám câu còn lại có thể biết.

Mục 7- Từ “Xuất gia...” trở xuống có hai môn, trình bày về Hạnh rời bỏ gia đình mong mỗi tu đạo: Môn 1 trình bày về xuất gia, môn 2 hiển bày về tu hành.

Môn 1: Tuy có thể nhập đạo từ trong Vương cung sâu xa mà xuất gia, là nêu ra mười ý về sự việc này: Hai ý đầu là khiến cho chán ngán rời bỏ quả của Khổ. Hai ý tiếp là vui mừng truyền bá về Đạo thù thắng. Hai ý tiếp là khiến cho lìa xa Tập của nhanh nhạy-chậm chạp, người chấp vào Thường kiến thì coi trọng về Thường, vì coi trọng cho nên không xuất gia; người chấp vào Đoạn kiến thì thân diệt mất không còn lại gì, đâu cần phải xuất gia? Đã hiểu rõ không phải Thường-Đoạn thì có thể tu tập tiến lên, nói là lìa bỏ hai bên, lại không phải khổ-vui... Hai ý tiếp là hiển bày về Diệt hết hệ lụy của ngôi nhà ba cõi. Hai ý sau là hiển bày về đạt được Quả giống với Nhân.

Môn 2: Thị hiện khổ hạnh, hành có khổ-vui mà khổ khắp nơi, có mười ý về sự việc này: 1- Vốn là pháp quan trọng của Tiểu thừa, nghĩa là chịu khó chịu khổ mới đạt được đạo. 2- Thị hiện giống với ngoại đạo mà phá tan Tà kiến, nghĩa là sáu năm tự mình nhịn đói mà không có đạo, về sau nhận bát cháo sữa mới đạt được, hiển bày về nhịn đói không phải là chân thật. 3- Cùng một lời mắng Phật chịu đói trong sáu năm ròng, sự việc như trong kinh Đại Thừa Phương Tiện quyển thứ 2 trình bày. 4- Chúng sinh trong đời năm trước đều có tội nặng, lo âu phiền muộn che kín tâm tư không thể nào đạt được đạo, khiến cho họ nghĩ rằng người bài báng Phật hãy còn được giải thoát, huống hồ chúng ta hay sao? Vì vậy ngay lúc ấy hối hận trừ diệt, cũng như kinh ấy trình bày. 5- Bởi vì thúc đẩy chúng sinh lười nhác. 6- Khiến cho nhận biết vì pháp mà quên đói khát. 7- Thị hiện đấm theo niềm vui vốn không phải là đạo. 8- Từ đầu đến cuối vốn rất chịu khó. 9- Dựa theo bản kinh thời Tấn nói rằng: “Bởi vì muốn khiến cho chúng sinh ở vị lai phát khởi tinh tiến, cho nên nay nói về tinh tiến.” Kết hợp ở câu trước, ở đây thiếu một câu này. 10- Khổ hạnh chờ đợi căn cơ, là hiển bày về Bi rất sâu sắc.

Mục 8- Từ “Nghệ đạo tràng...” trở xuống có năm môn, trình bày về Hạnh thành tựu Đạo chứng thực tiến vào, tức là phân làm năm:

Một- Trình bày do tiến lên hưởng về mà an ổn, tức là từ khổ hạnh mà hưởng về tán cây Bồ-đề (Đạo thọ), hiển bày rời bỏ Tà hưởng về Chánh, nhân tròn vẹn hưởng về quả, thực hành công hạnh tiến về phía

sau. Mười câu có thể biết.

Hai- An tọa giữa đạo tràng là trình bày về nơi an ổn của tự lực, trong mười câu: Bốn câu đầu là nơi chốn trang nghiêm. Ba câu tiếp là ba nghiệp hiện rõ tướng, bởi vì nhìn pháp tòa Sư tử thì biết là sắp thuyết giảng, bản kinh thời Tấn nói: “Nhìn Sư tử hồng của tất cả chư Phật.” Ba câu sau là thành tựu đức: 1- Đây đủ năng lực tự mình chứng được, trình bày về Trí hiển hiện thì phiền não không còn. 2- Tiếp nhận nơi chốn của Phật sẽ phù hợp giống như pháp giới. 3- Đồng Thể Đại Bi cho nên có thể gia hộ rộng khắp.

Ba- Có mười sự việc đặc biệt khác lạ, trình bày về điềm báo trước Đại quả hiếm lạ cảm đến bên ngoài.

Bốn- Hàng phục ma quân, là bởi vì Chánh giác sắp hiển hiện, thì trước phải phá dẹp tà ma. Điều nói là thị hiện, bởi vì đã hàng phục từ lâu. Ma vương phần nhiều vốn là Đại Bồ-tát, không có ác ma nào có thể nào hại đến Phật; cũng như Dã can, lẽ nào có thể dùng uy thế làm chấn động ở trước Sư tử hay sao? Kinh Đại Thừa Phương Tiện quyển Hạ nói: “Nếu không phải là Phật lực triệu tập đến, thì những ác ma ấy lẽ nào có thể đến gần Phật hay sao? Ma là thù thắng tôn quý ở cõi Dục, thù thắng làm cho những hạng khác phải hàng phục.”

Trong mười loại: 1- Thị hiện dùng đức để can ngăn. 2- Phật phá tan ma thì không có ai khỏi bệnh. 3- Binh chúng của Ba-tuần vây quanh cây Bồ-đề đầy khắp ba mươi sáu Do-tuần, muốn làm cho trở ngại, Bồ-tát trú trong Trí tuệ Từ Bi dùng ngón tay ấn xuống đất, tất cả đều tan rã, tám vạn bốn ngàn Đại chúng Bát bộ đều phát tâm Đại Bồ-đề, cho nên nói là giáo hóa điều phục rộng khắp, như kinh Phương Tiện và kinh Bốn Hạnh Tập trình bày. 6- Bởi vì chưa tránh khỏi ma thì đừng lười nhác. 7- Bởi vì một khi được hàng phục, thì trở lại bảo vệ giáo pháp cho đến thời kỳ cuối cùng của giáo pháp (Mạt thế). Năm loại còn lại có thể biết.

Năm- Có mười loại thành tựu Lực của Như Lai, tức là Chánh giác hiển rõ trước mắt. Hai môn trước là đạo Vô gián, môn này là đạo Giải thoát. Lại hai môn trước là đạo Phương tiện, nay môn này trong mười loại: Một loại đầu là tất cả các Chương đều vắng lặng, hai loại tiếp là tất cả các Nhân đều tròn vẹn, hai loại tiếp là tất cả các Quả đều đầy đủ, ba loại tiếp là tất cả các Đức đều rộng khắp, hai loại sau tất cả chư Phật đều giống nhau, cho nên kết luận gọi là Như Lai.

Mục 9- Từ “Chuyển Đại pháp luân...” trở xuống có hai môn, trình bày về Chuyển pháp luân, Đạo thành tựu-cơ chín muôi mà mở toang cánh cửa Cam-lồ, trong đó: Môn 1- Thể và Dụng của Pháp luân đã

chuyển; môn 2- Trình bày về nhân duyên chuyển pháp luân.

Trong môn 1: Thuyết giảng lưu truyền viên thông gọi đó là Luân, Luân của Tự Ngã gọi đó là Chuyển. Tiểu thừa dùng bốn Hạnh là Nhãn-Trí-Minh-Giác gắn liền với bốn Đế, nay hiển bày về mười Hạnh vô tận, thuận theo gắn liền với mười Đế để trở thành một trăm Hạnh, còn lại như chương Pháp Luân trình bày.

Trong mười loại: Hai loại đầu là chủ động chuyển đầy đủ trọn vẹn. Hai loại tiếp là thụ động chuyển sâu xa vi diệu. Hai loại tiếp là phát sinh niềm tin-vượt khỏi khổ đau. Hai loại tiếp là nhân sâu xa-lượng rộng lớn. Hai loại sau là thời gian lâu xa-lợi ích cao vời.

Môn 2: Gieo trồng pháp thiện thanh tịnh (Bạch tịnh pháp), có mười sự việc tức là nhân của Pháp luân. Pháp thiện thanh tịnh, tức là Thể của Luân thụ động chuyển, nghĩa là pháp giới thanh tịnh vô lậu của Phật chuyển vào trong tâm của chúng sinh, thành tựu về nghe mà huân tập chủng tử, cho nên gọi là gieo trồng. Bởi vì thuyết giảng phù hợp với thời cơ, ngôn từ không phát ra trống rỗng, cho nên trở lại sinh ra Thánh Trí vô lậu, mà không có gì trôi qua trống rỗng. Trong Nhiếp Luận nói: “Đa văn huân tập từ Đăng Lưu của pháp giới thanh tịnh nhất, sinh ra hiện hành vô lậu.” Chính là nghĩa này, cũng tức là Giải thoát Vô ngại ở chương trước.

Sở dĩ có thể gieo trồng chủng tử này, là bởi vì có mười sự việc: Một loại đầu là nhân của đời quá khứ (Túc nhân), còn lại đều là nhân của đời hiện tại (Hiện nhân).

Trong đó: Sáu loại trước là Đức đầy đủ, ba loại sau là Dụng thù thắng.

Trong sáu loại trước: Hai loại đầu là Bi đầy đủ, một là bên trong duy trì, hai là bên ngoài thâm nhiếp. Bốn loại tiếp là Trí đầy đủ, tức là bốn Tất-đàn: Một- Vị nhân Tất-đàn, bởi vì vui thích không giống nhau; Hai- Đệ nhất nghĩa Tất-đàn, bởi vì dùng lúc khiến cho tỏ ngộ; Ba- Đối trị Tất-đàn, bởi vì tùy theo bệnh mà thích hợp; Bốn- Thế giới Tất-đàn, bởi vì hiểu rõ thế giới mà thuận theo.

Mục 10- Có một môn trình bày về nhập Niết-bàn, nghĩa là ứng theo đến cùng trở về nguồn gốc, có mười ý về sự việc này:

Hai ý đầu trình bày về lỗi lầm tai họa của sinh tử: 1- Không có gì thường; 2- Không có niềm vui. Vì vậy nói là không an ổn.

Ba- Trình bày về Niết-bàn là niềm vui, ngược lại với không có niềm vui trước đây, bởi vì Niết-bàn tịch diệt là niềm vui chân thật.

Bốn- Ngược lại với Sắc thân không có gì thường, mà Pháp thân

là Thường. Vì vậy bản kinh thời Tấn nói: “Bởi vì khiến cho mong cầu Pháp thân thanh tịnh thường trú.” Nay thiếu chữ Thường. Bởi vì Pháp thân là một tánh của ba đức sinh ra, Thể xưa nay không có biến đổi sai khác, cho nên chỉ nói về Thường. Nay đã ra khỏi ràng buộc, cho nên gọi là thanh tịnh.

Ba ý tiếp trình bày về sinh tử không có Ngã, cho nên không tự tại: 1- Một kỳ hạn không có gì thường, bởi vì không tự tại, cho nên nói là không thể chuyển được; 2- Riêng biệt trình bày về niệm niệm không có gì thường, cho nên không tự tại, đây là bao gồm Biến dịch sinh tử; 3- Tức là Phần đoạn sinh tử, không thể nào tồn tại vững bền, cũng không phải tự tại.

Tám- Trình bày Niết-bàn là vững bền, tức là Ngã tự tại, cũng bao gồm nghĩa Thường.

Chín- Ngược lại với Hữu vi để trình bày về đức thanh tịnh. Bất tịnh tức là pháp Hữu vi, cho nên nói là tích tụ-phân tán. Thanh tịnh là chư Phật Bồ-tát, Chánh pháp gọi là không có sinh khởi, nhưng chính là Niết-bàn thuộc tánh thanh tịnh. Tùy duyên sinh tử là tánh ngay nơi tướng, mới là Chánh pháp. Nhưng Niết-bàn thứ hai ngược lại phá bỏ bốn đức của phàm phu-Tiểu thừa, bởi vì bao gồm pháp của chư Phật, cho nên dùng Như Lai làm Ngã. Bởi vì môn này chính thức hiển bày về Niết-bàn, cho nên cũng dựa vào Niết-bàn để trình bày về Ngã, còn lại đều thuận theo nhau. Nhưng bốn đức Thường-Lạc-Ngã-Tịnh, tuy bao gồm tất cả pháp Phật, mà thuận theo nghĩa riêng biệt đều hiển bày không giống nhau.

Trên đây là dùng bốn Vinh (bốn điền đảo của phàm phu) ngược lại với bốn Khô (bốn điền đảo của Nhị thừa), để loại bỏ toàn bộ tám loại điền đảo.

Mười- Trình bày về quy phạm thông thường của chư Phật là pháp vốn như vậy.

Trên đây là phần Thuyết giảng, xong.

Phần bầy: Từ “Phật tử, thử pháp môn...” trở xuống là phần Kết thúc khuyến khích tu học, trong đó có hai mục: Một- Kết luận về nghĩa, khuyến khích tu tập; Hai- Từ “Phật tử, thử nhất thiết Bồ-tát...” trở xuống là kết luận về danh, khuyến khích học theo.

Trong mục một là kết luận về nghĩa, khuyến khích tu tập, cũng có hai: 1- Nêu ra tên gọi để kết luận về nghĩa; 2- Từ “Phật tử, nhược hữu...” trở xuống là khuyến khích tin tưởng, tu tập thực hành.

Trong mục hai là kết luận về danh, khuyến khích học theo, có hai

mục:

Mục 1- Hiến bày về mười tên gọi: Một loại đầu dựa theo chủ động giải thích, dựa vào đây sinh ra Hạnh, cho nên gọi là Xứ, trước đây dựa theo Thể của Hạnh thụ động giải thích, chỉ nói là Hạnh thanh tịnh. Chín loại còn lại dựa theo công năng thụ động giải thích để thiết lập tên gọi:

Hai- Bởi vì quyết đoán về nghĩa của Hạnh ấy nhất định có thể cảm đến quả.

Ba- Bởi vì chứng được pháp đã chứng được.

Bốn- Bởi vì có thể chứng được rõ ràng.

Năm- Bởi vì có Trí siêu việt thù thắng.

Sáu- Bởi vì Bi phát khởi vạn hạnh.

Bảy- Bởi vì tất cả đều viên dung.

Tám- Bởi vì quĩ phạm chuẩn mực đầy đủ.

Chín- Bởi vì ngay nơi Lý trải qua Sự.

Mười- Bởi vì ngay nơi Sự mà Chân.

Mục 2- Từ “Ứng tôn trọng...” trở xuống là khuyến khích học theo, có thể biết.

Phần tám: Từ “Thuyết thử...” trở xuống là phần Hiện rõ điềm lành, có thể biết.

Phần chín: Từ “Nhĩ thời thập phương...” trở xuống là phần Chứng minh thành tựu, trong đó có hai mục: Một- Ca ngợi về pháp chứng được; Hai- Từ “Phật tử, nhữ dĩ...” trở xuống là khen ngợi về người chứng được.

Phần mười: Từ “Nhĩ thời Phổ Hiền...” trở xuống là phần Kệ tụng, toàn bộ có hai trăm mười lăm kệ rưỡi, phân ba mục: Một- Có tám kệ bảy chữ, ca ngợi về đức sâu rộng, trình bày về phạm vi giới hạn của thuyết giảng. Hai- Từ “Kỳ tâm...” trở xuống có một trăm ba mươi một kệ rưỡi, tổng quát nêu ra Đức của Hạnh, tóm lược hiến bày về sâu rộng. Hai mục trên đều là Già-đà (Phúng tụng). Ba- Từ “Y ư Phật trí...” trở xuống có bảy mươi sáu kệ, tụng về phần Trường hàng trước đây, mới là Kỳ-dạ (Trùng tụng).

Mục một- Có tám kệ bảy chữ, phân bốn: 1- Có bốn kệ, nhận lời thuyết giảng về rộng sâu; 2- Có hai kệ, nêu ra đức để khuyên nhủ lắng nghe; 3- Có một kệ, trở lại tổng quát về nhận lời thuyết giảng; 4- Có một kệ, nêu ra phạm vi giới hạn của thuyết giảng.

Trong mục hai có một trăm ba mươi một kệ rưỡi, tổng quát nêu ra Đức của Hạnh, phân ba: 1- Có hai kệ, sơ lược nêu lên Pháp-Dụ; 2- Có

năm mươi lăm kệ rưỡi, dựa vào Sự biểu thị cho Pháp, để trình bày về sâu rộng; 3- Từ “Bồ-tát đẳng ư Phật...” trở xuống có bảy mươi bốn kệ, ngay nơi Pháp trình bày Hạnh, để làm sáng tỏ về rộng lớn.

Mục 1- Sơ lược nêu lên Pháp-Dụ, có thể biết.

Trong mục 2- Dựa vào Sự biểu thị cho Pháp, toàn bộ có năm mươi Dụ, khó mà phân chia. Nay tương tự ví dụ thuận theo nhau, tạm thời phân làm mười tiết:

Tiết một- Có bốn kệ rưỡi-hai Dụ trình bày về Hạnh che mát làm chúng sinh vui lòng.

Tiết hai- Từ “Sư tử...” trở xuống có mười kệ, tụng về Hạnh phá tan Tà đạo, dẫn dắt mê mờ. Nghĩa về Sư tử hống, giải thích ở đầu phẩm Pháp Giới.

Tiết ba- Có mười một kệ, trình bày về Hạnh cao sâu kiên cố bí mật.

Tiết bốn- Từ “Ca-lâu-la...” trở xuống có sáu kệ, tụng về Hạnh quán sát căn cơ y theo lợi ích.

Tiết năm- Có sáu kệ, tụng về Hạnh tự tại điều phục tất cả.

Tiết sáu- Từ “Trí tuệ tâm...” trở xuống có hai kệ, tụng về Hạnh hàm chứa đầy đủ mà không có gì tạp nhiễm.

Tiết bảy- Có hai kệ, tụng về Hạnh thành tựu lợi ích rộng khắp mọi nơi.

Tiết tám- Từ “Như trân bảo...” trở xuống có sáu kệ, tụng về Hạnh điều tiết giới hạn để tu thân.

Tiết chín- Có hai kệ, tụng về Hạnh điều hòa thuận phục mà chuyển vận.

Tiết mười- Từ “Ưu-đàm hoa...” trở xuống có sáu kệ, tụng về Hạnh đạo qua nơi chốn thuộc Dụng bên ngoài.

Trong mục 3 có bảy mươi bốn kệ, ngay nơi Pháp trình bày Hạnh, có hai tiết: Một- Có mười kệ, tổng quát trình bày về sâu rộng, nhận lời thuyết giảng nhắc nhở lắng nghe; Hai- Từ “Nhất thân năng thị hiện...” trở xuống có sáu mươi bốn kệ, riêng biệt trình bày về sâu rộng để đáp lại phần nhận lời trước đây.

Trong tiết một- Có mười kệ, phân ba: 1- Có ba kệ, trình bày về hướng lên trên giống với giác ngộ của Phật; 2- Có ba kệ, trình bày về hướng xuống dưới vượt qua tất cả chủng loại; 3- Có bốn kệ, trình bày về nhận lời thuyết giảng nhắc nhở lắng nghe.

Trong tiết hai có sáu mươi bốn kệ, riêng biệt trình bày về sâu rộng, gộp lại làm mười Hạnh, tức là mười tiết:

Tiết 1- Có sáu kệ, tụng về Hạnh sâu rộng của ba nghiệp.

Tiết 2- Từ “Bồ-tát thân...” trở xuống có năm kệ, tụng về Hạnh vô ngại của Phước-Trí trang nghiêm.

Tiết 3- Có ba kệ, tụng về Hạnh nghịch thuận thành tựu đầy đủ.

Tiết 4- Từ “Hoặc hiện hạnh thành mãn...” trở xuống có mười kệ, tụng về Hạnh thị hiện rộng khắp mọi nơi.

Tiết 5- Có bốn kệ, tụng về Hạnh thời gian-nơi chốn viên dung.

Tiết 6- Từ “Bồ-tát tri...” trở xuống có sáu kệ, tụng về Hạnh nhận biết căn cơ để thuyết pháp.

Tiết 7- Có bốn kệ, tụng về Hạnh thuộc Tịch-Dụng nhanh chóng.

Tiết 8- Từ “Thí như công huyển...” trở xuống có mười kệ, tụng về Hạnh của Bi không lạc mất Trí.

Tiết 9- Có mười bốn kệ, tụng về Hạnh của Trí không lạc mất Bi, nghĩa là hai câu cuối cùng không lạc mất Bi, phần trước đều là Trí đức viên mãn.

Tiết 10- Có hai kệ, tụng kết luận về Hạnh thuộc đức vô tận.

Trong mục ba có bảy mươi sáu kệ, tụng về phần Trường hàng trước đây, có hai: 1- Có ba mươi chín kệ, tụng về phần Thuyết giảng trước đây; 2- Từ “Tuy linh...” trở xuống có ba mươi bảy kệ, tụng về phần kết thúc khuyến khích tu học.

Mục 1- Có ba mươi chín kệ, tụng về sáu phần vị trước đây, tức là phân làm sáu tiết:

Tiết một- Có bốn kệ, tụng về Hạnh trong phần vị Thập Tín.

Tiết hai- Có bốn kệ, tụng về Hạnh trong phần vị Thập Trụ.

Tiết ba- Có sáu kệ, tụng về Hạnh trong phần vị Thập Hạnh.

Tiết bốn- Có năm kệ, tụng về Hạnh trong phần vị Thập Hồi hướng.

Tiết năm- Có chín kệ rưỡi, tụng về Hạnh trong phần vị Thập Địa.

Tiết sáu- Có mười kệ rưỡi, tụng về Hạnh trong phần vị nhân tròn vẹn-quả đầy đủ.

Nghĩa của hai chữ Sở Hành ở đầu kệ thuộc về tiết một.

Trong mục 2 có ba mươi bảy kệ, tụng về phần kết thúc khuyến khích tu học, nhưng khác nhau về chi tiết so với thể văn trước đây, phân ra làm bốn tiết:

Tiết một- Có một kệ, kết luận về pháp đã thuyết giảng trước đây là phần ít.

Tiết hai- Có ba mươi kệ, riêng biệt hiển bày về Dụng sâu rộng

của Đức.

Tiết ba- Có bốn kệ, tổng quát kết luận về sâu rộng.

Tiết bốn- Có hai kệ, kết luận khuyến khích tu tập thực hành.

Trong tiết hai có ba mươi kệ, phân hai: 1- Có hai mươi một kệ rưỡi, kết luận dựa theo Pháp hiển bày về Hạnh; 2- Có tám kệ rưỡi, kết luận dựa vào Sự hiển bày Pháp.

Tiết 1- Có hai mươi một kệ rưỡi, phân năm:

Một: Có năm kệ, tụng về Hạnh tự tại đối với quốc độ.

Hai: Có sáu kệ, tụng về Hạnh tự tại của ba nghiệp.

Ba: Từ “Quá khứ...” trở xuống có ba kệ, tụng về Hạnh tự tại đối với ba thế gian.

Bốn: Có năm kệ, tụng về Hạnh tự tại của Thân-Trí.

Năm: Có hai kệ rưỡi, tụng tổng quát kết luận về khó suy lường.

Trong tiết 2- Có tám kệ rưỡi, kết luận dựa vào Sự hiển bày Pháp, hoặc là trước đây vốn không có, hoặc là sự việc giống nhau mà nghĩa khác nhau, đều có thể dùng ý hiểu được.

Trong tiết ba- Có bốn kệ, tổng quát kết luận về sâu rộng: Hai kệ trước, kết luận về phần đã thuyết giảng trước đây; hai kệ sau kết luận về phần chưa thuyết giảng khó cùng tận.

Tiết bốn- Có hai kệ, kết luận khuyến khích tu tập thực hành, có thể biết.

